



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00401/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Không khí MTLĐ	Số mẫu: 02	Ký hiệu mẫu: KLĐ3, KLĐ11
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Phí Minh Phúc		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 21/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 25/04/2025		

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 27:2016/ BYT
				KLĐ3	KLĐ11	
1	Bụi toàn phần*	mg/m ³	Thường quy kỹ thuật Viện Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường năm 2015	0,314	0,152	8 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ*	°C	TCVN 5508:2009	27,3	27,3	18 – 32 ⁽²⁾
3	Tiếng ồn dải tần (63)*	dBA	TCVN 9799:2013	68,2	64,9	99 ⁽³⁾
4	Tiếng ồn dải tần (125)*	dBA	TCVN 9799:2013	63,3	62,4	92 ⁽³⁾
5	Tiếng ồn dải tần (250)*	dBA	TCVN 9799:2013	62,8	60,9	86 ⁽³⁾
6	Tiếng ồn dải tần (500)*	dBA	TCVN 9799:2013	60,2	59,8	83 ⁽³⁾
7	Tiếng ồn dải tần (1000)*	dBA	TCVN 9799:2013	58,4	57	80 ⁽³⁾
8	Tiếng ồn dải tần (2000)*	dBA	TCVN 9799:2013	63,3	55,7	78 ⁽³⁾
9	Tiếng ồn dải tần (4000)*	dBA	TCVN 9799:2013	65,1	50,5	76 ⁽³⁾
10	Tiếng ồn dải tần (8000)*	dBA	TCVN 9799:2013	56,5	40,1	74 ⁽³⁾
11	Giá tốc rung*	m/s ²	TCVN 5127:1990	0,0007	0,0005	1,4

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KLĐ3: Khu vực xưởng 09; Toạ độ: Y 576326.86; X 2340512.16

KLĐ11: Khu vực lưu giữ chất thải công nghiệp; Toạ độ: Y 576186.07; X 2340501.32

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

⁽¹⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

⁽²⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 25/04/2025

Trang: 1/2.

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

⁽³⁾ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát- Vimcerts 316.

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 04 năm 2025

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC

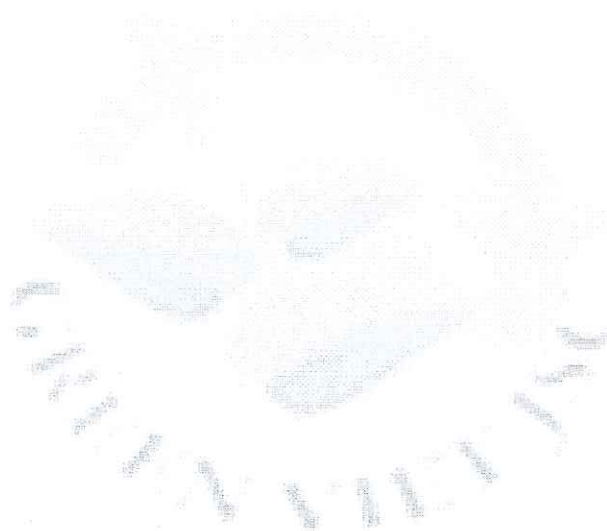
Nguyễn Thị Mên

Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như



- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00402/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Không khí MTLĐ	Số mẫu: 03	Ký hiệu mẫu: KLĐ5, KLĐ6, KLĐ7
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Phí Minh Phúc		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 21/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 25/04/2025		

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCVN 03:2019/ BYT
				KLĐ5	KLĐ6	KLĐ7	
1.	Bụi toàn phần*	mg/m ³	Thường quy kỹ thuật Viện Súc khỏe Nghề nghiệp và Môi trường năm 2015	0,42	0,347	0,261	8 ⁽³⁾
2.	Nhiệt độ*	°C	TCVN 5508:2009	26,5	25,6	26	18 – 32 ⁽¹⁾
3.	Tiếng ồn dải tần (63)*	dBA	TCVN 9799:2013	71,1	78,7	72	99 ⁽²⁾
4.	Tiếng ồn dải tần (125) *	dBA	TCVN 9799:2013	70,3	81,1	77,1	92 ⁽²⁾
5.	Tiếng ồn dải tần (250) *	dBA	TCVN 9799:2013	71,8	78,3	72,6	86 ⁽²⁾
6.	Tiếng ồn dải tần (500) *	dBA	TCVN 9799:2013	70,7	75,8	70	83 ⁽²⁾
7.	Tiếng ồn dải tần (1000) *	dBA	TCVN 9799:2013	69,8	71,8	70,3	80 ⁽²⁾
8.	Tiếng ồn dải tần (2000) *	dBA	TCVN 9799:2013	67,9	70,1	69,5	78 ⁽²⁾
9.	Tiếng ồn dải tần (4000) *	dBA	TCVN 9799:2013	54,6	69,2	68,4	76 ⁽²⁾
10.	Tiếng ồn dải tần (8000) *	dBA	TCVN 9799:2013	42,2	65,8	64,1	74 ⁽²⁾
11.	Gia tốc rung*	m/s ²	TCVN 5127:1990	0,0024	0,0036	0,0043	1,4 ⁽⁴⁾
12.	SO ₂ *	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,054	0,052	0,054	5
13.	NO ₂ *	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,048	0,043	0,046	5
14.	CO*	mg/m ³	TPP.SPT.KXQ.01	KPH	-	-	20
15.	Toluene*	mg/m ³	NIOSH Method 1501	KPH	KPH	KPH	100
16.	Acetone*	mg/m ³	NIOSH 1300	KPH	KPH	KPH	200
17.	H ₂ SO ₄ *	mg/m ³	NIOSH 7908	-	-	KPH	1
18.	Hg*	mg/m ³	NIOSH Method 6009	-	KPH	-	0,02 ⁽⁵⁾

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 25/04/2025

Trang: 1./2.

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KLĐ5: Khu vực xưởng 11; Tọa độ: Y 576466.54; X 2340558.64.

KLĐ6: Khu vực xưởng 12; Tọa độ: Y 576503.97; X 2340571.44.

KLĐ7: Khu vực xưởng 13; Tọa độ: Y 576543.23; X 2340572.17

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)).

(1) **QCVN 26:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

(2) **QCVN 24:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

(3) **QCVN 02:2019/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

(4) **QCVN 27:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

(5) **QB3733/2002/QĐ-BYT:** Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

(-) **Chỉ tiêu không phân tích. KPH:** Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

(*) **Đơn vị phối hợp:** Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát- Vimcerts 316.

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 04 năm 2025

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC

Nguyễn Thị Mến

Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như





VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00403/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Không khí MTLĐ	Số mẫu: 02	Ký hiệu mẫu: KLĐ8, KLĐ10
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Phí Minh Phúc		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 22/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 25/04/2025		

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 03:2019/ BYT
				KLĐ8	KLĐ10	
1	Bụi toàn phần*	mg/m ³	Thường quy kỹ thuật Viện Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường năm 2015	0,198	0,268	8 ⁽³⁾
2	Nhiệt độ*	°C	TCVN 5508-2009	25,2	25,8	18 – 32 ⁽¹⁾
3	Tiếng ồn dải tần (63)*	dBA	TCVN 9799:2013	66,8	82,9	99 ⁽²⁾
4	Tiếng ồn dải tần (125) *	dBA	TCVN 9799:2013	72,3	74,9	92 ⁽²⁾
5	Tiếng ồn dải tần (250) *	dBA	TCVN 9799:2013	75,3	69,4	86 ⁽²⁾
6	Tiếng ồn dải tần (500) *	dBA	TCVN 9799:2013	73	70,4	83 ⁽²⁾
7	Tiếng ồn dải tần (1000) *	dBA	TCVN 9799:2013	65,7	65,1	80 ⁽²⁾
8	Tiếng ồn dải tần (2000) *	dBA	TCVN 9799:2013	61,9	62,3	78 ⁽²⁾
9	Tiếng ồn dải tần (4000) *	dBA	TCVN 9799:2013	61,4	57,2	76 ⁽²⁾
10	Tiếng ồn dải tần (8000) *	dBA	TCVN 9799:2013	53,2	52	74 ⁽²⁾
11	Gia tốc rung*	m/s ²	TCVN 5127:1990	0,0015	0,0022	1,4 ⁽⁴⁾
12	H ₂ S*	mg/m ³	MASA Method 701	KPH	KPH	10
13	NH ₃ *	mg/m ³	MASA 401	KPH	KPH	17

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KLĐ8: Khu vực hệ thống xử lý nước thải số 01; Tọa độ: Y 576531.25; X 2340602.23

KLĐ10: Khu vực hệ thống xử lý nước thải số 02; Tọa độ: Y 576342.73; X 2340560.83

Quy chuẩn so sánh:

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 25/04/2025

Trang: 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)).

⁽¹⁾ **QCVN 26:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

⁽²⁾ **QCVN 24:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

⁽³⁾ **QCVN 02:2019/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

⁽⁴⁾ **QCVN 27:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

() Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát - Vimcerts 316.*

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 04 năm 2025

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC

Nguyễn Thị Mến

Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như



- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00404/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Không khí MTLĐ	Số mẫu: 02	Ký hiệu mẫu: KLĐ9, KLĐ14
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Phí Minh Phúc		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 22/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 25/04/2025		

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 02:2019/BYT
				KLĐ9	KLĐ14	
1	Bụi toàn phần*	mg/m ³	Thường quy kỹ thuật Viện Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường năm 2015	0,503	0,546	8
2	Nhiệt độ*	°C	TCVN 5508-2009	25,6	25,9	18 – 32 ⁽¹⁾
3	Tiếng ồn dải tần (63)*	dBA	TCVN 9799:2013	69,7	75,8	99 ⁽²⁾
4	Tiếng ồn dải tần (125) *	dBA	TCVN 9799:2013	69,8	74,4	92 ⁽²⁾
5	Tiếng ồn dải tần (250) *	dBA	TCVN 9799:2013	68,9	72,4	86 ⁽²⁾
6	Tiếng ồn dải tần (500) *	dBA	TCVN 9799:2013	68,3	72	83 ⁽²⁾
7	Tiếng ồn dải tần (1000) *	dBA	TCVN 9799:2013	65,9	69,1	80 ⁽²⁾
8	Tiếng ồn dải tần (2000) *	dBA	TCVN 9799:2013	63,4	68,4	78 ⁽²⁾
9	Tiếng ồn dải tần (4000) *	dBA	TCVN 9799:2013	57,4	61,8	76 ⁽²⁾
10	Tiếng ồn dải tần (8000) *	dBA	TCVN 9799:2013	49,4	54,2	74 ⁽²⁾
11	Gia tốc rung*	m/s ²	TCVN 5127:1990	0,0017	0,0042	1,4 ⁽³⁾

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KLĐ9: Khu vực hệ thống hoá rắn; Tọa độ: Y 576403.77; X 2340589.02

KLĐ14: Khu vực lưu giữ tro xỉ sau đốt; Tọa độ: Y 576425.00; X 2340589.00

Quy chuẩn so sánh:

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 25/04/2025

Trang: 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

⁽¹⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

⁽²⁾ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

⁽³⁾ QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát - Vimcerts 316.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Mên

QA/QC

Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như





VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00398/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Không khí MTLĐ	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: KLĐ12
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Phí Minh Phúc		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 24/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 25/04/2025		

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT
				KLĐ12	
1	Bụi toàn phần*	mg/m ³	Thường quy kỹ thuật Viện Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường năm 2015	0,112	8 ⁽¹⁾
2	Nhiệt độ*	°C	TCVN 5508:2009	24,7	18 – 32 ⁽²⁾
3	Tiếng ồn dải tần (63)*	dBA	TCVN 9799:2013	50,7	83 ⁽³⁾
4	Tiếng ồn dải tần (125) *	dBA	TCVN 9799:2013	51,6	74 ⁽³⁾
5	Tiếng ồn dải tần (250) *	dBA	TCVN 9799:2013	48,8	68 ⁽³⁾
6	Tiếng ồn dải tần (500) *	dBA	TCVN 9799:2013	41,3	63 ⁽³⁾
7	Tiếng ồn dải tần (1000) *	dBA	TCVN 9799:2013	40,2	60 ⁽³⁾
8	Tiếng ồn dải tần (2000) *	dBA	TCVN 9799:2013	39,5	57 ⁽³⁾
9	Tiếng ồn dải tần (4000) *	dBA	TCVN 9799:2013	37,6	55 ⁽³⁾
10	Tiếng ồn dải tần (8000) *	dBA	TCVN 9799:2013	36,1	54 ⁽³⁾
11	Gia tốc rung*	m/s ²	TCVN 5127:1990	0	1,4 ⁽⁴⁾
12	SO ₂ *	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,054	5
13	NO ₂ *	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,041	5

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KLĐ12: Khu vực văn phòng; Toạ độ: Y 576174.24; X 2340454.87

Quy chuẩn so sánh:

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 25/04/2025

Trang: 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA));

⁽¹⁾ **QCVN 02:2019/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

⁽²⁾ **QCVN 26:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

⁽³⁾ **QCVN 24:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

⁽⁴⁾ **QCVN 27:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

() Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát - Vimcerts 316.*

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 04 năm 2025

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Mến

QA/QC

Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như





VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00399/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Không khí MTLĐ	Số mẫu: 03	Ký hiệu mẫu: KLĐ1, KLĐ4, KLĐ13
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Phí Minh Phúc		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 24/04/2025			Ngày hoàn thành phân tích: 25/04/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCVN 03:2019/ BYT
				KLĐ1	KLĐ4	KLĐ13	
1	Bụi toàn phần*	mg/m ³	Thường quy kỹ thuật Viện Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường năm 2015	0,412	0,367	0,465	8 ⁽³⁾
2	Nhiệt độ*	°C	TCVN 5508:2009	26,6	26,8	26,5	18 – 32 ⁽¹⁾
3	Tiếng ồn dải tần (63)*	dBA	TCVN 9799:2013	71,2	67,8	77,2	99 ⁽²⁾
4	Tiếng ồn dải tần (125) *	dBA	TCVN 9799:2013	71,5	69,1	80,2	92 ⁽²⁾
5	Tiếng ồn dải tần (250) *	dBA	TCVN 9799:2013	69,2	70,2	76,6	86 ⁽²⁾
6	Tiếng ồn dải tần (500) *	dBA	TCVN 9799:2013	68,8	69,3	73,4	83 ⁽²⁾
7	Tiếng ồn dải tần (1000) *	dBA	TCVN 9799:2013	62,5	67,4	70,2	80 ⁽²⁾
8	Tiếng ồn dải tần (2000) *	dBA	TCVN 9799:2013	60,2	63,2	68,7	78 ⁽²⁾
9	Tiếng ồn dải tần (4000) *	dBA	TCVN 9799:2013	59,7	56,3	66,4	76 ⁽²⁾
10	Tiếng ồn dải tần (8000) *	dBA	TCVN 9799:2013	52,2	51,8	62	74 ⁽²⁾
11	Gia tốc rung*	m/s ²	TCVN 5127:1990	0,0015	0,002	0,0027	1,4 ⁽⁴⁾
12	SO ₂ *	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,053	0,062	-	5
13	NO ₂ *	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,043	0,047	-	5
14	CO*	mg/m ³	TTP.SPT.KXQ.01	-	KPH	-	20

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KLĐ1: Khu vực xưởng 07; Tọa độ: Y 576250.54; X 2340486.23

KLĐ4: Khu vực xưởng 10; Tọa độ: Y 576421.64; X 2340543.60

KLĐ13: Khu vực bể đóng kén; Tọa độ: Y 576389.89; X 2340537.03

Quy chuẩn so sánh:

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 25/04/2025

Trang: 1/2.

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)).

(1) QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

(2) QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

(3) QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

(4) QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

(-) *Chỉ tiêu không phân tích. KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.*

(*) *Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát - Vimcerts 316.*

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 04 năm 2025

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Mến

Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như



1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
2. Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
3. Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00400/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Không khí MTLĐ	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: KLĐ2
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Phí Minh Phúc		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 24/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 25/04/2025		

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 03:2019/ BYT
				KLĐ2	
1	Bụi toàn phần*	mg/m ³	Thường quy kỹ thuật Viện Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường năm 2015	0,38	8 ⁽⁴⁾
2	Nhiệt độ*	°C	TCVN 5508:2009	26,3	18 – 32 ⁽¹⁾
3	Tiếng ồn dải tần (63)*	dBA	TCVN 9799:2013	75,1	99 ⁽²⁾
4	Tiếng ồn dải tần (125) *	dBA	TCVN 9799:2013	74	92 ⁽²⁾
5	Tiếng ồn dải tần (250) *	dBA	TCVN 9799:2013	72,7	86 ⁽²⁾
6	Tiếng ồn dải tần (500) *	dBA	TCVN 9799:2013	71,1	83 ⁽²⁾
7	Tiếng ồn dải tần (1000) *	dBA	TCVN 9799:2013	68,2	80 ⁽²⁾
8	Tiếng ồn dải tần (2000) *	dBA	TCVN 9799:2013	66,4	78 ⁽²⁾
9	Tiếng ồn dải tần (4000) *	dBA	TCVN 9799:2013	59,9	76 ⁽²⁾
10	Tiếng ồn dải tần (8000) *	dBA	TCVN 9799:2013	54,7	74 ⁽²⁾
11	Gia tốc rung*	m/s ²	TCVN 5127:1990	0,0011	1,4 ⁽⁵⁾
12	SO ₂ *	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,049	5
13	NO ₂ *	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,048	5
14	H ₂ S*	mg/m ³	MASA Method 701	KPH	10
15	HCl	mg/m ³	NIOSH Method 7907	KPH	5,0
16	Hydrocacbon*	mg/m ³	NIOSH method 1500	KPH	300 ⁽³⁾
17	Toluene*	mg/m ³	NIOSH Method 1501	KPH	100
18	Acetone*	mg/m ³	NIOSH 1300 : 1994	KPH	200

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 25/04/2025

Trang: 1/1

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vincerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KLĐ2: Khu vực xưởng 08; Tọa độ: Y 576295.44; X 2340501.49.

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA)).

⁽¹⁾ **QCVN 26:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

⁽²⁾ **QCVN 24:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

⁽³⁾ **QĐ3733/2002/QĐ-BYT:** Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

⁽⁴⁾ **QCVN 02:2019/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

⁽⁵⁾ **QCVN 27:2016/BYT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát - Vimcerts 316.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Mến

QA/QC

Phạm Văn Huân



Bắc Ninh, ngày 25 tháng 04 năm 2025

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Vũ Đăng Như





VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00325/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Không khí xung quanh	Số mẫu: 03	Ký hiệu mẫu: KLD8, KLD9, KLD10
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Lương Đình Đức, Nguyễn Tuấn Anh		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 22/03/2025			Ngày hoàn thành phân tích: 14/04/2025

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 26:2010/BTNMT
				KLD8	KLD9	KLD10
1	Tiếng ồn	dB _A	TCVN 7878-2:2010	65,1	67,6	67
2	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	42	42,5	45,4

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KLD8: Khu vực hệ thống xử lý nước thải số 01; Tọa độ: Y 576531.25; X 2340602.23

KLD9: Khu vực hệ thống hoá rắn; Tọa độ: Y 576403.77; X 2340589.02

KLD10: Khu vực hệ thống xử lý nước thải số 02; Tọa độ: Y 576342.73; X 2340560.83

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 14/04/2025

Trang: 1/1.



1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.

2. Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.

3. Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

(1) QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 04 năm 2025

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Mến

QA/QC

Phạm Văn Huân

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như



BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 14/04/2025

Trang: 2/2

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QMT trực tiếp lấy mẫu.
2. Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QMT.
3. Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

VIMCERTS 258

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00326/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Không khí xung quanh	Số mẫu: 05	Ký hiệu mẫu: KLĐ3, KLĐ5, KLĐ6, KLĐ7, KLĐ11
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 21/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 14/04/2025		

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả					QCVN 26:2010/BTNMT
				KLĐ3	KLĐ5	KLĐ6	KLĐ7	KLĐ11	
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	67,3	67,4	67,8	66,1	61	70
2	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	35,7	45	49,9	50	33,8	70 ⁽¹⁾

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KLĐ3: Khu vực xưởng 09; Toạ độ: Y 576326.86; X 2340512.16

KLĐ5: Khu vực xưởng 11; Toạ độ: Y 576466.54; X 2340558.64.

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 14/04/2025

Trang: 1/1

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.

2. Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.

3. Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimecerts 258.





VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT

Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh

SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KLĐ6: Khu vực xưởng 12; Tọa độ: Y 576503.97; X 2340571.44.

KLĐ7: Khu vực xưởng 13; Tọa độ: Y 576543.23; X 2340572.17

KLĐ11: Khu vực lưu giữ chất thải công nghiệp; Tọa độ: Y 576186.07; X 2340501.32

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

⁽¹⁾ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Mến

QA/QC

Phạm Văn Huân

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 04 năm 2025



GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như



BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 14/04/2025

Trang: 2/2

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QMT trực tiếp lấy mẫu.
2. Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QMT.
3. Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00327/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Không khí xung quanh	Số mẫu: 04	Ký hiệu mẫu: KLĐ1, KLĐ2, KLĐ4, KLĐ12
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 24/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 14/04/2025		

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả			QCVN 26:2010/BTNMT
				KLĐ1	KLĐ2	KLĐ4	KLĐ12
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	67,8	67,1	67	50
2	Độ rung	dB	TCVN 6963:2001	42,1	40,9	44,3	23,8
							70 ⁽¹⁾

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KLĐ1: Khu vực xưởng 07; Tọa độ: Y 576250.54; X 2340486.23.

KLĐ2: Khu vực xưởng 08; Tọa độ: Y 576295.44; X 2340501.49.

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 14/04/2025

Trang: 1/1

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vmcerts 258.





CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

VIMCERTS 258

KLĐ4: Khu vực xướng 10; Tọa độ: Y 576421.64; X 2340543.60
KLĐ12: Khu vực văn phòng; Tọa độ: Y 576174.24; X 2340454.87

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

(1) QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Mến

QA/QC

Phạm Văn Huân

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 04 năm 2025



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như



BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 14/04/2025

Trang: 2/2

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QMTM trực tiếp lấy mẫu.
2. Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QMTM.
3. Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00409/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải	Số mẫu: 02	Ký hiệu mẫu: 250321/KT/167-168
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức, Bùi Minh Hiếu		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 20/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 25/04/2025		

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 30:2012/ BTNMT (Cột B)
				KT1	KT2	
1	Nhiệt độ	°C	MXV/PPNB 05	72,5	82,2	≤180
2	Lưu lượng	m ³ /h	MXV/PPNB 04	9967	73 053	-
3	Áp suất	mBar	MXV/PPNB 12	1033,6	1039,5	-
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	45,6	23,3	100
5	CO	mg/Nm ³	MXV/PPNB09	168,3	90,4	250
6	SO ₂	mg/Nm ³	MXV/PPNB07	76,9	134,5	250
7	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	MXV/PPNB08	269,2	287,3	500
8	O ₂ dư	%	MXV/PPNB06	12,51	11,32	6-15
9	HCl*	mg/Nm ³	US EPA method 26	<0,6 (LOQ=0,6)	<0,6 (LOQ=0,6)	50
10	Thủy ngân và hợp chất, tính theo Hg *	mg/Nm ³	US EPA method 29	KPH (MDL= 0,003)	KPH (MDL= 0,003)	0,2
11	Cadimi và hợp chất, tính theo Cd *	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL= 0,006)	KPH (MDL= 0,006)	0,16
12	Chì và hợp chất, tính theo Pb *	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL= 0,02)	KPH (MDL= 0,02)	1,2

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 25/04/2025

Trang: 1/3

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 30:2012/ BTNMT (Cột B)
				KT1	KT2	
13	Tổng các kim loại khác (As, Cu, Cr, Zn, Sb, Ni, Co, Sn, Mn, Tl)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,0002)	KPH (MDL=0,0002)	1,2
	Asen (As)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,0002)	KPH (MDL=0,0002)	-
	Antimon (Sb)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,0005)	KPH (MDL=0,0005)	-
	Đồng (Cu)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	Kẽm (Zn)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)	-
	Niken (Ni)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	-
	Coban (Co)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	-
	Crom (Cr)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	-
	Thiếc (Sn)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,004)	KPH (MDL=0,004)	-
	Mangan (Mn)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	-
	Thali (Tl)	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,003)	KPH (MDL=0,003)	-
14	Tổng Hydrocacbon *	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	6,63	KPH (MDL=0,02)	50
15	n-Hexane*	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,532	KPH (MDL=0,07)	-
16	n-Heptane*	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,456	KPH (MDL=0,07)	-
17	n-octane*	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	0,753	KPH (MDL=0,07)	-

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 25/04/2025

Trang: 2/3

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 30:2012/ BTNMT (Cột B)
				KT1	KT2	
18	Tổng Dioxin/Furan (PCDD/PCDF)*	ng-TEQ/Nm ³	US EPA Method 23	0,033	0,02	0,6

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KT1: Khí thải phát sinh từ lò đốt chất thải công nghiệp số 01.

Tọa độ: Y 576464.60; X 2340596.17.

KT2: Khí thải phát sinh từ lò đốt chất thải công nghiệp số 02.

Tọa độ: Y 576438.17; X 2340585.19.

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 30:2012/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt chất thải công nghiệp.

Cột B: Áp dụng đối với tất cả các lò đốt CTCN kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

(-) Không quy định; KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam - Vimcerts 288.



Bắc Ninh, ngày 25 tháng 04 năm 2025

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Mến

Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00410/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: 250322/KT/173
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức, Bùi Minh Hiếu		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 21/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 25/04/2025		

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
				KT11	Cmax
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	35,4	160
2	Đồng và hợp chất (tính theo Cu)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,01)	8
3	Hơi H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA Method 8	3,3	40
4	HCl*	mg/Nm ³	US EPA Method 26	<0,6 (LOQ=0,6)	40

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KT11: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống thu hồi đồng sunfat.

Toạ độ: Y 576531.95; X 2340585.08

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- + Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động từ ngày 16 tháng 01 năm 2007.
- + Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp được tính theo công thức sau:

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- Cmax là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³);
- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ
- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải; Tại cơ sở Kp = 0,8.
- Kv là hệ số vùng, khu vực Kv = 1.

KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam - Vimcerts 288.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Mến

QA/QC

Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Vũ Đăng Như

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 25/04/2025

Trang: 1/1

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00411/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: 250322/KT/175
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức, Bùi Minh Hiếu		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 21/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 25/04/2025		

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 51:2017 /BTNMT, bảng 3 - cột A3
				KT10 (nguồn số 10B)	Cmax
1	CO	mg/Nm ³	MXV/PPNB09	27,4	270
2	SO ₂	mg/Nm ³	MXV/PPNB07	17,5	450
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	MXV/PPNB08	86	450
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	8,0	45
5	Cadimi và hợp chất (tính theo Cd)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,006)	0,18
6	Chì và hợp chất (tính theo Pb)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,02)	1,8
7	Crom và các hợp chất (tính theo Cr)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,0003)	3,6
8	Antimon và hợp chất (tính theo Sb)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,0005)	9
9	Đồng và hợp chất (tính theo Cu)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,01)	9
10	Kẽm và hợp chất (tính theo Zn)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,005)	18
11	Niken và hợp chất (tính theo Ni)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,02)	1,8
12	Tổng chất hữu cơ dễ bay hơi VOC*	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH	18
	Toluene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	-
	Benzene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	-
	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	-
	Styrene	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	-
13	Tổng Dioxin/Furan (PCDD/PCDF)*	ng-TEQ/Nm ³	US EPA Method 23	0,033	0,09

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 25/04/2025

Trang: 1/2

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KT10 (nguồn số 10B): Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống lò nấu sắt.

Tọa độ: Y 576282.62; X 2340533.43.

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 51:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp sản xuất thép.

Bảng 3: Giá trị C làm cơ sở để tính toán nồng độ tối đa cho phép của các thông số trong khí thải của cơ sở luyện cán thép, công đoạn hoàn nguyên sắt (direct reduction), lò chuyển thổi oxy (BOF).

Trong quá trình hoạt động bình thường, giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp sản xuất thép được tính theo công thức sau:

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- C_{max} là giá trị tối đa cho phép của các thông số trong khí thải công nghiệp sản xuất thép, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³);

- C là giá trị nồng độ của các thông số (mg/Nm³);

- K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải ứng với lưu lượng khí thải từng ống khói của cơ sở sản xuất thép; tại cơ sở $K_p=0,9$.

- K_v là hệ số vùng, khu vực, tại cơ sở $K_v = 1,0$.

KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam - Vimcerts 288.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC

Nguyễn Thị Mến

Phạm Văn Huân



Bắc Ninh, ngày 25 tháng 04 năm 2025

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00412/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: 250322/KT/174
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức, Bùi Minh Hiếu		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 21/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 25/04/2025		

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN19:2009/ BTNMT (cột B)
				KT14	Cmax
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	14,5	160
2	Hg*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,003)	-

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KT14: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống xử lý bóng đèn thải.

Tọa độ: Y 576497.21; X 2340560.42

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- + Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động từ ngày 16 tháng 01 năm 2007.
- + Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp được tính theo công thức sau:

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- Cmax là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³);
- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 25/04/2025

Trang: 1/2.

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

- K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải; Tại cơ sở $K_p = 0,8$

- K_v là hệ số vùng, khu vực $K_v = 1$

(-) Không quy định. KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam - Vimcerts 288.

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 04 năm 2025

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Mến

Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như



- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00324/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: 250322/KT/186
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 22/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 14/04/2025		

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN19:2009/ BTNMT (cột B)
				KT15	Cmax
1.	SO ₂	mg/Nm ³	MXV/PPNB07	45,4	400
2.	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	MXV/PPNB08	33,7	680
3.	CO	mg/Nm ³	MXV/PPNB 09	240,5	800
4.	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	21,9	160

Ghi chú:**Vị trí lấy mẫu:**

KT15: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống lò hơi.

Toạ độ: Y 576557.88; X 2340592.28

Quy chuẩn so sánh:**QCVN 19:2009/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.**Cột B:** Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

+ Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động từ ngày 16 tháng 01 năm 2007.

+ Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp được tính theo công thức sau:

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- Cmax là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³);

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ

- Kp là hệ số lưu lượng nguồn thải; Tại cơ sở Kp = 0,8

- Kv là hệ số vùng, khu vực Kv = 1

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC

Nguyễn Thị Mến

Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 14/04/2025

Trang: 1/1

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00413/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải	Số mẫu: 02	Ký hiệu mẫu: 250322/KT/182-183
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức, Phí Minh Phúc		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 22/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 25/04/2025		

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN19:2009/ BTNMT (Cột B)
				KT3	KT4	C _{max}
1	Hơi H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA Method 8	<2,8	2,9	40
2	Amoniac và các hợp chất amoni*	mg/Nm ³	JIS K 0099: 2004	0,518	0,499	40

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KT3: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống xử lý nước thải số 01.

Tọa độ: Y 576531.93; X 2340589.39

KT4: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống xử lý nước thải số 02

Tọa độ: Y 576362.97; X 2340563.36.

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

+ Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

+ Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp được tính theo công thức sau:

$$C_{max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm³);

- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ

- K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải; Tại cơ sở, K_p = 0,8

- K_v là hệ số vùng, khu vực K_v = 1

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát - Vimcerts 316.

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 04 năm 2025

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Mến

Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 25/04/2025

Trang: 1/1

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00414/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải	Số mẫu: 02	Ký hiệu mẫu: 250322/KT/184-185
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức, Phí Minh Phúc		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 22/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 25/04/2025		

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 56:2013/ BTNMT
				KT5	KT6	
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	9,8	15,2	150
2	CO	mg/Nm ³	MXV/PPNB09	3,42	139,8	1000
3	SO ₂	mg/Nm ³	MXV/PPNB07	25,3	48,9	500
4	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	MXV/PPNB08	7,14	76,64	600
5	H ₂ S*	mg/Nm ³	JIS K 0108: 2010	1,80	1,78	7,5
6	CxHy(n-Heptane, n-Hexane, n-octane)*	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH	KPH	100

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KT5: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống tái chế dầu thải số 01.

Toạ độ: Y 576251.01; X 2340563.18

KT6: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống tái chế dầu thải số 02;

Toạ độ: Y 576520.76; X 2340556.35

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 56:2013/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tái chế dầu thải.

(-) Không quy định. KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Thịnh Trường Phát - Vimcerts 316.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC

Nguyễn Thị Mến

Phạm Văn Huân



Bắc Ninh, ngày 25 tháng 04 năm 2025

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 25/04/2025

Trang: 1/1.

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00331/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải	Số mẫu: 02	Ký hiệu mẫu: 250325/KT/190-191
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức, Đặng Gia Hoàng		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 24/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 24/04/2025		

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN19: 2009/ BTNMT (cột B) Cmax
				KT7-A	KT7-B	
1	CO	mg/Nm ³	MXV/PPNB09	6,08	12,9	800
2	SO ₂	mg/Nm ³	MXV/PPNB07	4,37	9,61	400
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	MXV/PPNB08	0,877	1,25	680
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	12,5	7,5	160
5	Cadimi và hợp chất (tính theo Cd)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	4
6	Chì và hợp chất (tính theo Pb)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	4
7	Asen và các hợp chất (tính theo As)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,0002)	KPH (MDL=0,0002)	8
8	Antimon và hợp chất (tính theo Sb)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,0005)	KPH (MDL=0,0005)	8
9	Đồng và hợp chất (tính theo Cu)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	8
10	Kẽm và hợp chất (tính theo Zn)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)	24

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KT7-A: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống thu hồi kim loại quý Module số 01.
Tọa độ: Y 576273.60; X 2340486.00.

KT7-B: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống thu hồi kim loại quý Module số 02.
Tọa độ: Y 576259.54; X 2340492.92.

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 24/04/2025

Trang: 1/2.

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- + Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động từ ngày 16 tháng 01 năm 2007.
- + Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp được tính theo công thức sau:

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- $C_{\max}$ là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ
- K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải; Tại cơ sở $K_p = 0,8$
- K_v là hệ số vùng, khu vực $K_v = 1$

KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam - Vimcerts 288.

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 04 năm 2025

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Mến

Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như



1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
2. Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
3. Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00332/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải	Số mẫu: 02	Ký hiệu mẫu: 250325/KT/192-193
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức, Đặng Gia Hoàng		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 24/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 24/04/2025		

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN19:2009 / BTNMT (cột B)
				KT8	KT12	Cmax
1	SO ₂	mg/Nm ³	MXV/PPNB07	41,0	14,8	400
2	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	MXV/PPNB08	54,7	73,3	680
3	CO	mg/Nm ³	MXV/PPNB09	-	155,8	800
4	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	25,8	12	160
5	Cadimi và hợp chất (tính theo Cd)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,006)	KPH (MDL=0,006)	4
6	Chì và hợp chất (tính theo Pb)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	4
7	Asen và các hợp chất (tính theo As)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,0002)	KPH (MDL=0,0002)	8
8	Antimon và hợp chất (tính theo Sb)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,0005)	KPH (MDL=0,0005)	8
9	Đồng và hợp chất (tính theo Cu)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	8
10	Kẽm và hợp chất (tính theo Zn)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,005)	KPH (MDL=0,005)	24

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KT8: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống thu hồi kim loại thiếc.

Tọa độ: Y 576272.57; X 2340527.29

KT12: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống thu hồi kim loại bằng phương pháp nhiệt luyện.

Tọa độ: Y 576432.57; X 2340538.78.

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

+ Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động từ ngày 16 tháng 01 năm 2007.

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 24/04/2025

Trang: 1/1

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

+ Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp được tính theo công thức sau:

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- $C_{\max}$ là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ
- K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải; Tại cơ sở $K_p = 0,8$
- K_v là hệ số vùng, khu vực $K_v = 1$

(-) *Chỉ tiêu không phân tích. KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.*

(*) *Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam - Vimcerts 288.*

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Mến

Phạm Văn Huân

GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như



1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
2. Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
3. Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00333/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: 250325/KT/194
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Đặng Gia Hoàng		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 24/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 24/04/2024		

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				KT16	
1	Etylen oxyt*	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=1,5)	20
2	Propylen oxyt*	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649: 2014	KPH (MDL=1,5)	240
3	Benzen*	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649: 2014	0,610	5
4	Xylen*	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649: 2014	0,880	870

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KT16: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống tái chế nhựa.

Tọa độ: Y 576311.90; X 2340490.28.

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam – Vimcerts 288.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC



Nguyễn Thị Mên



Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00397/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Khí thải	Số mẫu: 02	Ký hiệu mẫu: 250401/KT/001-003
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 31/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 25/04/2025		

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả		QCVN 19:2009/ BTNMT (Cột B)
				KT9	KT13	Cmax
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	14,6	17,8	160
2	SO ₂	mg/Nm ³	MXV/PPNB07	-	28,8	400
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	MXV/PPNB08	-	121	680
4	Chì và hợp chất (tính theo Pb)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	KPH (MDL=0,02)	KPH (MDL=0,02)	4
5	Cadmi và hợp chất (tính theo Cd)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	-	KPH (MDL=0,006)	4
6	Asen và hợp chất (tính theo As)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	-	KPH (MDL=0,0002)	8
7	Đồng và hợp chất (tính theo Cu)*	mg/Nm ³	US EPA Method 29	-	KPH (MDL=0,01)	8
8	Hơi H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA Method 8	3,4	-	40

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

KT9: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống sơ chế pin, ác quy thải (của hệ thống thu hồi kim loại chì); Tọa độ: Y 576302.62; X 2340472.00

KT13: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống thu hồi kim loại nhôm.

Tọa độ: Y 576289.80; X 2340516.09

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

+ Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động từ ngày 16 tháng 01 năm 2007.

+ Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp được tính theo công thức sau:

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 25/04/2025

Trang: 1/2..

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

$$C_{\max} = C \times K_p \times K_v$$

Trong đó:

- $C_{\max}$ là nồng độ tối đa cho phép của bụi và các chất vô cơ trong khí thải công nghiệp, tính bằng miligam trên mét khối khí thải chuẩn (mg/Nm^3);
- C là nồng độ của bụi và các chất vô cơ
- K_p là hệ số lưu lượng nguồn thải; Tại cơ sở $K_p = 0,8$
- K_v là hệ số vùng, khu vực $K_v = 1$.

(-) *Chỉ tiêu không phân tích; KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.*

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam - Vimcerts 288.

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 04 năm 2025

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Mến

Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như



1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QMTT trực tiếp lấy mẫu.
2. Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QMTT.
3. Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00405/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Nước thải	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: 250321/NT/169
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức, Bùi Minh Hiếu		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN.		
6	Ngày lấy mẫu: 20/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 25/04/2025		

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột A)
				NT	C _{max}
1	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2017	20,3	40
2	Lưu lượng	m ³ /h	MXV/PPNB 02	42,51	-
3	pH	-	TCVN 6492:2011	7,58	6-9
4	Độ màu	Pt/Co	TCVN 6185:2015	10	50
5	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	TCVN 6625:2000	23	45
6	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	25,6	67,5
7	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	14,5	27
8	Amoni (tính theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	1,10	4,5
9	Clo dư	mg/l	TCVN 6225-3:2011	<0,2	0,9
10	Clorua	mg/l	TCVN 6194:1996	59,5	450
11	Tổng phenol	mg/l	TCVN 6216:1996	<0,03	0,09
12	Sunfua	mg/l	SMEWW 4500B&D:2017	<0,05	0,18
13	Florua	mg/l	SMEWW 4500F-B&D:2017	0,16	4,5
14	Crom (VI)	mg/l	SMEWW 3500-Cr B:2017	<0,01	0,045
15	Sắt	mg/l	TCVN 6177:1996	0,04	0,9
16	Tổng xianua	mg/l	SMEWW 4500-CN C&E:2017	<0,02	0,063
17	Tổng phốt pho	mg/l	TCVN 6202:2008	0,13	3,6
18	Tổng nitơ	mg/l	TCVN 6638:2000	16,8	18
19	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	0,9	4,5

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 25/04/2025

Trang: 4/3.

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT (Cột A)
				NT	C _{max}
20	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221:2017	240	3.000
21	Asen (As)*	mg/l	US EPA Method 200.7	KPH (MDL=0,006)	0,045
22	Cadimi (Cd)*	mg/l	US EPA Method 200.7	KPH (MDL=0,0015)	0,045
23	Chì (Pb)*	mg/l	US EPA Method 200.7	KPH (MDL=0,0065)	0,09
24	Đồng (Cu)*	mg/l	US EPA Method 200.7	<0,015 (LOQ=0,015)	1,8
25	Kẽm (Zn)*	mg/l	US EPA Method 200.7	<0,03 (LOQ=0,03)	2,7
26	Niken (Ni)*	mg/l	US EPA Method 200.7	0,012	0,18
27	Thủy ngân (Hg)*	mg/l	SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,0003)	0,0045
28	Mangan (Mn)*	mg/l	US EPA Method 200.7	0,040	0,45
29	Crom (III)*	mg/l	SMEWW 3500-Cr.B:2023 +SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,055)	0,18
30	HCBVTV clo hữu cơ*	mg/l	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH (MDL=0,00001)	0,045
31	HCBVTV photpho hữu cơ*	mg/l	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH (MDL=0,00002)	0,27
32	Các hợp chất polyclobiphenyl (PCBs)*	mg/l	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	KPH (MDL=0,000015)	0,0027

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

NT: Mẫu nước thải tại điểm xả nước thải ra kênh tiêu trạm bơm An Trạch; Tọa độ: Y 576576.12 ; X 2340623.37

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt ($K_f = 1,0$; $K_q = 0,9$).

Nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp được tính theo công thức sau:

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 25/04/2025

Trang: 2./3.

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

$$C_{\max} = C \times K_q \times K_f = C \times 0,9 \times 1,0$$

Trong đó:

+ $C_{\max}$ là nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi thải ra nguồn tiếp nhận, tính bằng miligam trên lít nước thải chuẩn (mg/L);

+ C là nồng độ của các thông số ô nhiễm;

+ K_q Là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải ($K_q = 0,9$)

+ K_f là hệ số lưu lượng nguồn thải ($K_f = 1,0$)

(-) Không quy định; KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam - Vimcerts 288.

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 04 năm 2025

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC

Nguyễn Thị Mến

Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SDT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00352/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Chất thải rắn	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: CTR1
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Bùi Minh Hiếu		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 20/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 23/04/2025		

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT Nồng độ ngậm chiết, C _{tc} (mg/l)
				CTR1	
1	Thủy ngân (Hg)*	mg/l	TCVN 9239:2012 + SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,001)	0,2
2	Crom (VI) *	mg/l	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7196A	0,550	5
3	Asen (As) *	mg/l	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	KPH (MDL=0,03)	2
4	Cadimi (Cd) *	mg/l	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	KPH (MDL=0,03)	0,5
5	Chì (Pb) *	mg/l	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,22	15
6	Kẽm (Zn) *	mg/l	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	KPH (MDL=0,06)	250
7	Niken (Ni) *	mg/l	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	KPH (MDL=0,05)	70

Ghi chú:**Vị trí lấy mẫu:****CTR1:** Tro xỉ sau đốt của các lò đốt chất thải công nghiệp; Tọa độ: Y 576430.10; X 2340585.90.**Quy chuẩn so sánh:****QCVN 07:2009/ BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại – nồng độ ngậm chiết.**KPH:** Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam - Vimcerts 288.

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC

Nguyễn Thị Mến

Phạm Văn Huân

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 04 năm 2025

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 23/04/2025

Trang: 1/1

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00354/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Chất thải rắn	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: CTR1
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Bùi Minh Hiếu		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 20/03/2025		Ngày hoàn thành phân tích: 23/04/2025	

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT Hàm lượng cơ sở tuyệt đối (ppm)
				CTR1	Htc
1	Thủy ngân (Hg)*	mg/Kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	KPH (MDL=0,05)	3,658
2	Crom (VI) *	mg/Kg	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	21,700	91,45
3	Asen (As) *	mg/Kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	KPH (MDL=2)	36,58
4	Cadimi (Cd) *	mg/Kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	KPH (MDL=0,3)	9,145
5	Chì (Pb) *	mg/Kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	252	274,35
6	Kẽm (Zn) *	mg/Kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	16,71	4572,5
7	Niken (Ni) *	mg/Kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	3,90	1280,3

Ghi chú:**Vị trí lấy mẫu:****CTR1:** Tro xỉ sau đốt của các lò đốt chất thải công nghiệp; Tọa độ: Y 576430.10; X 2340585.90.**Quy chuẩn so sánh:****QCVN 07:2009/ BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.- Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối (H_{tc}, ppm) được tính bằng công thức sau:

$$H_{tc} = \frac{H.(1+19.T)}{20}$$

Trong đó:

- H (ppm) là giá trị quy định trong cột «Hàm lượng tuyệt đối cơ sở, H» của Bảng 1 của Quy chuẩn làm cơ sở tính toán giá trị H_{tc};

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 23/04/2025

Trang: 1/2.

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

- T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu chất thải trên tổng khối lượng mẫu chất thải; $T=0,91$.
KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam - Vimcerts 288.

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 04 năm 2025

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Mên

Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như



1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
2. Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
3. Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00355/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Chất thải rắn	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: CTR2
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Bùi Minh Hiếu		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 20/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 23/04/2025		

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT Nồng độ ngấm chiết, C _{tc} (mg/l)
				CTR2	
1	Thủy ngân (Hg)*	mg/l	TCVN 9239:2012 + SMEWW 3112B:2023	KPH (MDL=0,001)	0,2
2	Crom (VI) *	mg/l	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7196A	KPH (MDL=0,006)	5
3	Asen (As) *	mg/l	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	<0,09 (LOQ=0,09)	2
4	Cadimi (Cd) *	mg/l	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	KPH (MDL=0,03)	0,5
5	Chì (Pb) *	mg/l	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	KPH (MDL=0,03)	15
6	Kẽm (Zn) *	mg/l	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	0,30	250
7	Niken (Ni) *	mg/l	US EPA Method 1311 + US EPA Method	0,57	70

Ghi chú:**Vị trí lấy mẫu:****CTR2:** Sản phẩm của hệ thống hoá rắn; Tọa độ: Y 576372.45; X 2340579.02.**Quy chuẩn so sánh:****QCVN 07:2009/ BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại – nồng độ ngấm chiết.**KPH:** Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.**LOQ:** Giới hạn định lượng của phương pháp.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam - Vimcerts 288.

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 04 năm 2025

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Mến

Phạm Văn Huân

**GIÁM ĐỐC**
Vũ Đăng Như

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 23/04/2025

Trang: 1/1.

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00356/2025/MXV-QTMT

1	Loại mẫu	Chất thải rắn	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: CTR2
2	Tên khách hàng	Công ty cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam		
4	Người lấy mẫu	Bùi Minh Hiếu		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 20/03/2025		Ngày hoàn thành phân tích: 23/04/2025	

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 07:2009/BTNMT Hàm lượng cơ sở tuyệt đối (ppm)
				CTR2	Htc
1	Thủy ngân (Hg)*	mg/Kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	KPH (MDL=0,05)	3,658
2	Crom (VI)*	mg/Kg	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	KPH (MDL=1,4)	91,45
3	Asen (As)*	mg/Kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	KPH (MDL=2)	36,58
4	Cadimi (Cd)*	mg/Kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	KPH (MDL=0,3)	9,145
5	Chì (Pb)*	mg/Kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	13,27	274,35
6	Kẽm (Zn)*	mg/Kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	40,76	4572,5
7	Niken (Ni)*	mg/Kg	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	11,94	1280,3

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

CTR2: Sản phẩm của hệ thống hoá rắn; Tọa độ: Y 576372.45; X 2340579.02.

Quy chuẩn so sánh:

QCVN 07:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

- Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối (H_{tc} , ppm) được tính bằng công thức sau:

$$H_{tc} = \frac{H.(1+19.T)}{20}$$

Trong đó:

- H (ppm) là giá trị quy định trong cột «Hàm lượng tuyệt đối cơ sở, H» của Bảng 1 của Quy chuẩn làm cơ sở tính toán giá trị H_{tc} ;

BM: MXV02

Ngày xuất phiếu: 23/04/2025

Trang: 1/1

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vincerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

- T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu chất thải trên tổng khối lượng mẫu chất thải; $T = 0,91$.
KPH: Không phát hiện, kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

(*) Đơn vị phối hợp: Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam - Vimcerts 288.

Bắc Ninh, ngày 23 tháng 04 năm 2025

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Mến

Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như



1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
2. Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
3. Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03081/2025/PKQ/25.1784

Tên khách hàng : CÔNG TY CP MÀU XANH VIỆT
Địa chỉ : Lô 16, Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN tại Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 250320.KT.008
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 20/03/2025 Ngày trả kết quả: 22/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				KT1
1	Tổng các kim loại nặng khác (As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Sn, Mn, Tl, Zn) và hợp chất tương ứng	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,0002)
1.1	Antimon và hợp chất, tính theo Sb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,0005)
1.2	Asen và các hợp chất, tính theo As	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,0002)
1.3	Đồng và hợp chất, tính theo Cu	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,01)
1.4	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,005)
1.5	Crom và hợp chất, tính theo Cr	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,0003)
1.6	Coban và hợp chất, tính theo Co	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)
1.7	Mangan và hợp chất, tính theo Mn	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,01)
1.8	Niken và hợp chất, tính theo Ni	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)
1.9	Thiếc và hợp chất, tính theo Sn	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,004)
1.10	Tali và hợp chất, tính theo Tl	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,003)
2	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,006)
3	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				KT1
4	Thủy ngân và hợp chất, tính theo Hg	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,003)
5	Axit clohydric, HCl	US EPA Method 26	mg/Nm ³	<0,6 (LOQ=0,6)
6	Tổng hydrocarbon THC ^(e)	US EPA method 0010	mg/Nm ³	6,63
7	n-hexane	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	0,532
8	n-heptane	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	0,456
9	n-octane	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	0,753
10	Tổng Dioxin/Furan (PCDD/PCDF) ^(*)	US EPA Method 23	ng- TEQ/Nm ³	0,033

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

- (*): Thông số do nhà thầu phụ thực hiện (VIMCERTS 027);

- (e): Tổng hydrocarbon trả theo các cấu tử được cấp theo GCN số 76/GCN-BTNMT

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT1: Khí thải phát sinh từ lò đốt chất thải công nghiệp số 01.

Tọa độ: 21°9'24.95", 106°14'12.38" (X 2340596.17, Y 576464.60)

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

P. GIÁM ĐỐC



Đặng Minh Dược



Phạm Văn Huân

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định

PHIẾU KẾT QUẢ

Phiếu số: 2025/275/KQ-PTN/25.L31.DVA268

Đơn vị đề nghị phân tích: **Công ty cổ phần môi trường Đại Nam**

Địa chỉ: Biệt thự số 18 BT4-2 Khu nhà ở Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Loại mẫu: Khí thải

Kí hiệu mẫu: 250320.KT.008^(#)

Ngày nhận mẫu: 26/03/2025

Ngày phân tích: 05/04/2025 – 17/04/2025

STT	Thông số	Phương pháp phân tích	LOQ/RL (ng/Nm ³)	Kết quả (ng/Nm ³)	Kết quả (ng TEQ/Nm ³)
1	Tổng Dioxin/Furan, PCDD/PCDF – TEQ	US EPA Method 23			0,033
	2,3,7,8-TCDD		0,003	0,005	4,59E-03
	1,2,3,7,8-PeCDD		0,003	0,008	4,20E-03
	1,2,3,4,7,8-HxCDD		0,003	0,005	4,75E-04
	1,2,3,6,7,8-HxCDD		0,003	0,006	5,70E-04
	1,2,3,7,8,9-HxCDD		0,003	0,004	3,64E-04
	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD		0,003	0,027	2,74E-04
	OCDD		0,006	0,031	3,09E-05
	2,3,7,8-TCDF		0,003	0,041	4,10E-03
	1,2,3,7,8-PeCDF		0,003	0,016	8,15E-04
	2,3,4,7,8-PeCDF		0,003	0,025	1,23E-02
	1,2,3,4,7,8-HxCDF		0,003	0,014	1,42E-03
	1,2,3,6,7,8-HxCDF		0,003	0,013	1,27E-03
	2,3,4,6,7,8-HxCDF		0,003	0,015	1,54E-03
	1,2,3,7,8,9-HxCDF		0,003	0,005	4,59E-04
	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF		0,003	0,029	2,87E-04

PHIẾU KẾT QUẢ

Phiếu số: 2025/275/KQ-PTN/25.L31.DVA268

STT	Thông số	Phương pháp phân tích	LOQ/RL (ng/Nm ³)	Kết quả (ng/Nm ³)	Kết quả (ng TEQ/Nm ³)
	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF	US EPA Method 23	0,003	0,004	3,80E-05
	OCDF		0,006	0,010	9,82E-06

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

Người lập

Đại diện Phòng Phân tích môi trường,
dioxin và độc chất

Giám đốc



Giáp Thị Hợp

Nguyễn Thị Minh Huệ

Phạm Quang Hiếu

Ghi chú:

- Mẫu do khách hàng gửi đến Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc để phân tích; thông tin mẫu (đơn vị lấy mẫu, loại mẫu, kí hiệu, giá trị nồng độ khối lượng các chất chuẩn đồng hành lấy mẫu thêm vào mẫu...) được tổng hợp theo Biên bản bàn giao và tiếp nhận mẫu được các bên liên quan ký xác nhận.
- Các kết quả ghi trong Phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được tiếp nhận và phân tích tại phòng thí nghiệm.
- Phiếu kết quả này không có giá trị nếu sao không đầy đủ hoặc không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc.
- Các kí hiệu, chữ viết tắt:
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; RL: Giới hạn báo cáo của phương pháp;
 - US EPA: United States Environmental Protection Agency; PTN: Phòng Phân tích môi trường, dioxin và độc chất;
 - TEF_(WHO 2005): Hệ số độc tương đương (Toxic Equivalency Factor) theo quy ước của Tổ chức Y tế thế giới năm 2005;
 - Kxđ: không xác định; dấu (-): không xác định được;
- TEQ: Độ độc tương đương (Toxic Equivalent) hay còn gọi là nồng độ độc tương đương, tính theo công thức $TEQ = \sum (TEF_{(WHO 2005)} * \text{Nồng độ khối lượng})$; PCDD/PCDF-TEQ là tổng độ độc tương đương của 17 đồng loại PCDD/PCDF; Kết quả TEQ chỉ tính theo các đồng loại định lượng được, các đồng loại không định lượng được (biểu diễn nồng độ < LOQ/RL) lấy giá trị bằng 0. Kết quả Tổng Dioxin/Furan được tính toán làm tròn số và trình bày tối đa 3 số sau dấu phẩy.
- Kết quả nồng độ là nồng độ quan trắc, chưa được tính toán quy đổi với nồng độ Ôxy tham chiếu quy định theo QCVN tương ứng của khí thải (nếu có).
- Dấu ^(#): Mẫu do Công ty cổ phần môi trường Đại Nam (VIMCERTs 288) lấy và gửi mẫu.
- Dấu ^(*): Thông số được phân tích phục vụ mục đích tính hiệu suất thu hồi và kiểm soát chất lượng công đoạn lấy mẫu theo phương pháp US EPA Method 23. Kết quả chi tiết trong Phụ lục kèm theo.
- Tiêu chí kiểm soát chất lượng đối với kết quả hiệu suất thu hồi các chất chuẩn đồng hành lấy mẫu theo phương pháp US EPA Method 23 là 70-130%./.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Phiếu kết quả số: 2025/275/KQ-PTN/25.L31.DVA268)

TT	Thông số	Nồng độ khối lượng (pg/mẫu)		Hiệu suất thu hồi lấy mẫu (%)
		Giá trị thêm vào	Giá trị phân tích	
1	Các chất chuẩn đồng hành lấy mẫu (*)			
	³⁷ Cl ₄ -2,3,7,8-TCDD	500	<0,003	-
	¹³ C ₁₂ -1,2,3,4,7,8-HxCDD	500	<0,003	-
	¹³ C ₁₂ -2,3,4,7,8-PeCDF	500	<0,003	-
	¹³ C ₁₂ -1,2,3,4,7,8-HxCDF	500	<0,003	-
	¹³ C ₁₂ -1,2,3,4,7,8,9-HpCDF	500	<0,003	-
(Phương pháp quan trắc: US EPA Method 23)				





VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03083/2025/PKQ/25.1784

Tên khách hàng : CÔNG TY CP MÀU XANH VIỆT
Địa chỉ : Lô 16, Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN tại Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 250320.KT.011
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 20/03/2025 Ngày trả kết quả: 22/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				KT2
1	Tổng các kim loại nặng khác (As, Sb, Ni, Co, Cu, Cr, Sn, Mn, Tl, Zn) và hợp chất tương ứng	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,0002)
1.1	Antimon và hợp chất, tính theo Sb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,0005)
1.2	Asen và các hợp chất, tính theo As	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,0002)
1.3	Đồng và hợp chất, tính theo Cu	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,01)
1.4	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,005)
1.5	Crom và hợp chất, tính theo Cr	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,0003)
1.6	Coban và hợp chất, tính theo Co	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)
1.7	Mangan và hợp chất, tính theo Mn	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,01)
1.8	Niken và hợp chất, tính theo Ni	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)
1.9	Thiếc và hợp chất, tính theo Sn	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,004)
1.10	Tali và hợp chất, tính theo Tl	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,003)
2	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,006)
3	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
- (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				KT2
4	Thủy ngân và hợp chất, tính theo Hg	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,003)
5	Axit clohydric, HCl	US EPA Method 26	mg/Nm ³	<0,6 (LOQ=0,6)
6	Tổng hydrocarbon THC ^(e)	US EPA method 0010	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)
7	n-hexane	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,07)
8	n-heptane	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,07)
9	n-octane	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,07)
10	Tổng Dioxin/Furan (PCDD/PCDF) ^(*)	US EPA Method 23	ng-TEQ/Nm ³	0,02

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;
- (*): Thông số do nhà thầu phụ thực hiện (VIMCERTS 027);
- (e): Tổng hydrocarbon trả theo các cấu tử được cấp theo GCN số 76/GCN-BTNMT
- Vị trí lấy mẫu:

+ KT2: Khí thải phát sinh từ lò đốt chất thải công nghiệp số 02.

Tọa độ: 21°9'24.26", 106°14'10.82" (X 2340585.19, Y 576438.17)

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

P. GIÁM ĐỐC



Đặng Minh Dược



Phạm Văn Huân

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định

PHIẾU KẾT QUẢ

Phiếu số: 2025/276/KQ-PTN/25.L31.DVA269

Đơn vị đề nghị phân tích: **Công ty cổ phần môi trường Đại Nam**

Địa chỉ: Biệt thự số 18 BT4-2 Khu nhà ở Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Loại mẫu: Khí thải

Kí hiệu mẫu: 250320.KT.011^(#)

Ngày nhận mẫu: 26/03/2025

Ngày phân tích: 05/04/2025 – 17/04/2025

STT	Thông số	Phương pháp phân tích	LOQ/RL (ng/Nm ³)	Kết quả (ng/Nm ³)	Kết quả (ng TEQ/Nm ³)
1	Tổng Dioxin/Furan, PCDD/PCDF – TEQ	US EPA Method 23			0,020
	2,3,7,8-TCDD		0,003	0,003	3,15E-03
	1,2,3,7,8-PeCDD		0,003	0,006	2,91E-03
	1,2,3,4,7,8-HxCDD		0,003	<0,003	0,00E+00
	1,2,3,6,7,8-HxCDD		0,003	<0,003	0,00E+00
	1,2,3,7,8,9-HxCDD		0,003	<0,003	0,00E+00
	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD		0,003	0,014	1,43E-04
	OCDD		0,006	0,018	1,83E-05
	2,3,7,8-TCDF		0,003	0,026	2,58E-03
	1,2,3,7,8-PeCDF		0,003	0,012	5,98E-04
	2,3,4,7,8-PeCDF		0,003	0,015	7,56E-03
	1,2,3,4,7,8-HxCDF		0,003	0,009	9,13E-04
	1,2,3,6,7,8-HxCDF		0,003	0,009	9,29E-04
	2,3,4,6,7,8-HxCDF		0,003	0,008	8,35E-04
	1,2,3,7,8,9-HxCDF		0,003	<0,003	0,00E+00
	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF		0,003	0,018	1,84E-04

PHIẾU KẾT QUẢ

Phiếu số: 2025/276/KQ-PTN/25.L31.DVA269

STT	Thông số	Phương pháp phân tích	LOQ/RL (ng/Nm ³)	Kết quả (ng/Nm ³)	Kết quả (ng TEQ/Nm ³)
	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF	US EPA Method 23	0,003	<0,003	0,00E+00
	OCDF		0,006	<0,006	0,00E+00

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

Người lập

Đại diện Phòng Phân tích môi trường,
dioxin và độc chất

Giám đốc



Giáp Thị Hợp

Nguyễn Thị Minh Huệ

Phạm Quang Hiếu

Ghi chú:

- Mẫu do khách hàng gửi đến Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc để phân tích; thông tin mẫu (đơn vị lấy mẫu, loại mẫu, kí hiệu, giá trị nồng độ khối lượng các chất chuẩn đồng hành lấy mẫu thêm vào mẫu...) được tổng hợp theo Biên bản bàn giao và tiếp nhận mẫu được các bên liên quan ký xác nhận.
- Các kết quả ghi trong Phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được tiếp nhận và phân tích tại phòng thí nghiệm.
- Phiếu kết quả này không có giá trị nếu sao không đầy đủ hoặc không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc.
- Các kí hiệu, chữ viết tắt:
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; RL: Giới hạn báo cáo của phương pháp;
 - US EPA: United States Environmental Protection Agency; PTN: Phòng Phân tích môi trường, dioxin và độc chất;
 - TEF_(WHO 2005): Hệ số độc tương đương (Toxic Equivalency Factor) theo quy ước của Tổ chức Y tế thế giới năm 2005;
 - Kxđ: không xác định; dấu (-): không xác định được;
- TEQ: Độ độc tương đương (Toxic Equivalent) hay còn gọi là nồng độ độc tương đương, tính theo công thức $TEQ = \sum (TEF_{(WHO 2005)} * \text{Nồng độ khối lượng})$; PCDD/PCDF-TEQ là tổng độ độc tương đương của 17 đồng loại PCDD/PCDF; Kết quả TEQ chỉ tính theo các đồng loại định lượng được, các đồng loại không định lượng được (biểu diễn nồng độ < LOQ/RL) lấy giá trị bằng 0. Kết quả Tổng Dioxin/Furan được tính toán làm tròn số và trình bày tối đa 3 số sau dấu phẩy.
- Kết quả nồng độ là nồng độ quan trắc, chưa được tính toán quy đổi với nồng độ Ôxy tham chiếu quy định theo QCVN tương ứng của khí thải (nếu có).
- Dấu ^(#): Mẫu do Công ty cổ phần môi trường Đại Nam (VIMCERTs 288) lấy và gửi mẫu.
- Dấu ^(*): Thông số được phân tích phục vụ mục đích tính hiệu suất thu hồi và kiểm soát chất lượng công đoạn lấy mẫu theo phương pháp US EPA Method 23. Kết quả chi tiết trong Phụ lục kèm theo.
- Tiêu chí kiểm soát chất lượng đối với kết quả hiệu suất thu hồi các chất chuẩn đồng hành lấy mẫu theo phương pháp US EPA Method 23 là 70-130%.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Phiếu kết quả số: 2025/276/KQ-PTN/25.L31.DVA269)

TT	Thông số	Nồng độ khối lượng (pg/mẫu)		Hiệu suất thu hồi lấy mẫu (%)
		Giá trị thêm vào	Giá trị phân tích	
1	Các chất chuẩn đồng hành lấy mẫu (*)			
	³⁷ Cl ₄ -2,3,7,8-TCDD	500	<0,003	-
	¹³ C ₁₂ -1,2,3,4,7,8-HxCDD	500	<0,003	-
	¹³ C ₁₂ -2,3,4,7,8-PeCDF	500	<0,003	-
	¹³ C ₁₂ -1,2,3,4,7,8-HxCDF	500	<0,003	-
	¹³ C ₁₂ -1,2,3,4,7,8,9-HpCDF	500	<0,003	-
(Phương pháp quan trắc: US EPA Method 23)				





VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03113/2025/PKQ/25.1992

Tên khách hàng : CÔNG TY CP MÀU XANH VIỆT
Địa chỉ : Lô 16, Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN tại Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 250321.KT.023
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 21/03/2025 Ngày trả kết quả: 24/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				KT10 (nguồn số 10B)
1	Antimon và hợp chất, tính theo Sb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,0005)
2	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,006)
3	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)
4	Đồng và hợp chất, tính theo Cu	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,01)
5	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,005)
6	Crom và hợp chất, tính theo Cr	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,0003)
7	Niken và hợp chất, tính theo Ni	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)
8	Tổng Dioxin/Furan (PCDD/PCDF)(*)	US EPA Method 23	ng-TEQ/Nm ³	0,033
9	VOCs (Hợp chất hữu cơ bay hơi)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,15)
9.1	Toluene	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,15)
9.2	Benzene	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,15)
9.3	Xylen	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,15)
9.4	Styrene	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,15)

Ghi chú:

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
- (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;
 - (*): Thông số do nhà thầu phụ thực hiện (VIMCERTS 027);
 - Vị trí lấy mẫu:
- + KT10 (nguồn số 10B): Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống lò nấu sắt.
Tọa độ: 21°9'24.78", 106°14'9.26" (X: 2340533.43, Y: 576282.62)

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

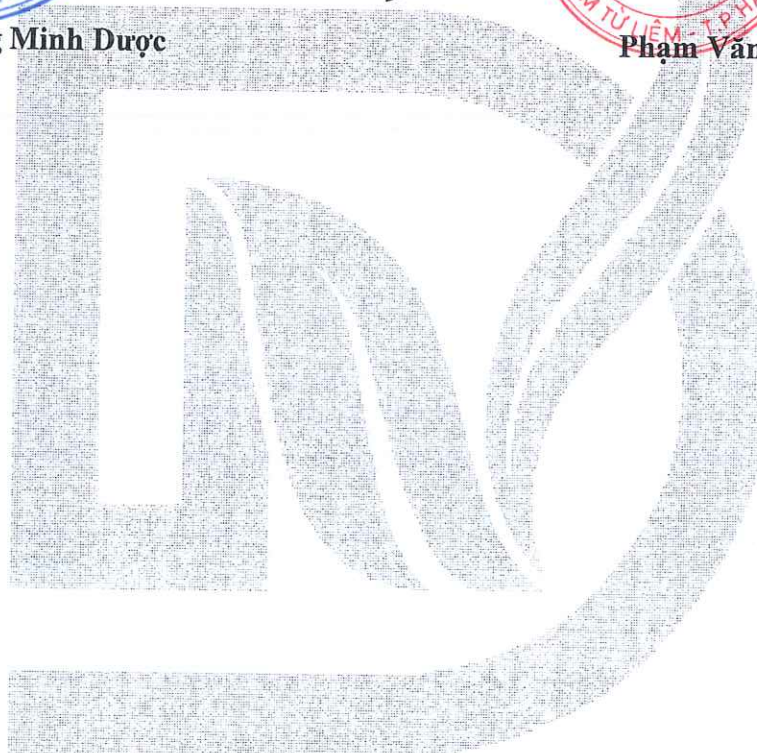
P. GIÁM ĐỐC



Đặng Minh Dược



Phạm Văn Huân



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định

PHIẾU KẾT QUẢ

Phiếu số: 2025/277/KQ-PTN/25.L31.DVA270

Đơn vị đề nghị phân tích: **Công ty cổ phần môi trường Đại Nam**

Địa chỉ: Biệt thự số 18 BT4-2 Khu nhà ở Trung Văn, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Loại mẫu: Khí thải

Kí hiệu mẫu: 250321.KT.023^(#)

Ngày nhận mẫu: 26/03/2025

Ngày phân tích: 05/04/2025 – 17/04/2025

STT	Thông số	Phương pháp phân tích	LOQ/RL (ng/Nm ³)	Kết quả (ng/Nm ³)	Kết quả (ng TEQ/Nm ³)
1	Tổng Dioxin/Furan, PCDD/PCDF – TEQ	US EPA Method 23			0,033
	2,3,7,8-TCDD		0,003	0,005	4,76E-03
	1,2,3,7,8-PeCDD		0,003	0,008	4,20E-03
	1,2,3,4,7,8-HxCDD		0,003	0,004	4,20E-04
	1,2,3,6,7,8-HxCDD		0,003	0,006	5,73E-04
	1,2,3,7,8,9-HxCDD		0,003	0,003	3,50E-04
	1,2,3,4,6,7,8-HpCDD		0,003	0,021	2,13E-04
	OCDD		0,006	0,025	2,46E-05
	2,3,7,8-TCDF		0,003	0,040	3,96E-03
	1,2,3,7,8-PeCDF		0,003	0,017	8,67E-04
	2,3,4,7,8-PeCDF		0,003	0,025	1,26E-02
	1,2,3,4,7,8-HxCDF		0,003	0,014	1,40E-03
	1,2,3,6,7,8-HxCDF		0,003	0,012	1,24E-03
	2,3,4,6,7,8-HxCDF		0,003	0,017	1,71E-03
	1,2,3,7,8,9-HxCDF		0,003	0,004	4,34E-04
	1,2,3,4,6,7,8-HpCDF		0,003	0,028	2,77E-04

PHIẾU KẾT QUẢ

Phiếu số: 2025/277/KQ-PTN/25.L31.DVA270

STT	Thông số	Phương pháp phân tích	LOQ/RL (ng/Nm ³)	Kết quả (ng/Nm ³)	Kết quả (ng TEQ/Nm ³)
	1,2,3,4,7,8,9-HpCDF	US EPA Method 23	0,003	<0,003	0,00E+00
	OCDF		0,006	0,011	1,13E-05

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2025

Người lập

Đại diện Phòng Phân tích môi trường,
dioxin và độc chất

Giám đốc



Giáp Thị Hợp

Nguyễn Thị Minh Huệ

Phạm Quang Hiếu

Ghi chú:

- Mẫu do khách hàng gửi đến Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc để phân tích; thông tin mẫu (đơn vị lấy mẫu, loại mẫu, kí hiệu, giá trị nồng độ khối lượng các chất chuẩn đồng hành lấy mẫu thêm vào mẫu...) được tổng hợp theo Biên bản bàn giao và tiếp nhận mẫu được các bên liên quan ký xác nhận.
- Các kết quả ghi trong Phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu được tiếp nhận và phân tích tại phòng thí nghiệm.
- Phiếu kết quả này không có giá trị nếu sao không đầy đủ hoặc không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc.
- Các kí hiệu, chữ viết tắt:
 - LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp; RL: Giới hạn báo cáo của phương pháp;
 - US EPA: United States Environmental Protection Agency; PTN: Phòng Phân tích môi trường, dioxin và độc chất;
 - TEF_(WHO 2005): Hệ số độc tương đương (Toxic Equivalency Factor) theo quy ước của Tổ chức Y tế thế giới năm 2005;
 - Kxđ: không xác định; dấu (-): không xác định được;
- TEQ: Độ độc tương đương (Toxic Equivalent) hay còn gọi là nồng độ độc tương đương, tính theo công thức $TEQ = \sum (TEF_{(WHO 2005)} \times \text{Nồng độ khối lượng})$; PCDD/PCDF-TEQ là tổng độ độc tương đương của 17 đồng loại PCDD/PCDF; Kết quả TEQ chỉ tính theo các đồng loại định lượng được, các đồng loại không định lượng được (biểu diễn nồng độ < LOQ/RL) lấy giá trị bằng 0. Kết quả Tổng Dioxin/Furan được tính toán làm tròn số và trình bày tối đa 3 số sau dấu phẩy.
- Kết quả nồng độ là nồng độ quan trắc, chưa được tính toán quy đổi với nồng độ Ôxy tham chiếu quy định theo QCVN tương ứng của khí thải (nếu có).
- Dấu ^(H): Mẫu do Công ty cổ phần môi trường Đại Nam (VIMCERTs 288) lấy và gửi mẫu.
- Dấu ^(*): Thông số được phân tích phục vụ mục đích tính hiệu suất thu hồi và kiểm soát chất lượng công đoạn lấy mẫu theo phương pháp US EPA Method 23. Kết quả chi tiết trong Phụ lục kèm theo.
- Tiêu chí kiểm soát chất lượng đối với kết quả hiệu suất thu hồi các chất chuẩn đồng hành lấy mẫu theo phương pháp US EPA Method 23 là 70-130%./.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Phiếu kết quả số: 2025/277/KQ-PTN/25.L31.DVA270)

TT	Thông số	Nồng độ khối lượng (pg/mẫu)		Hiệu suất thu hồi lấy mẫu (%)
		Giá trị thêm vào	Giá trị phân tích	
1	Các chất chuẩn đồng hành lấy mẫu (*)			
	³⁷ Cl ₄ -2,3,7,8-TCDD	500	<0,003	-
	¹³ C ₁₂ -1,2,3,4,7,8-HxCDD	500	<0,003	-
	¹³ C ₁₂ -2,3,4,7,8-PeCDF	500	<0,003	-
	¹³ C ₁₂ -1,2,3,4,7,8-HxCDF	500	<0,003	-
	¹³ C ₁₂ -1,2,3,4,7,8,9-HpCDF	500	<0,003	-
(Phương pháp quan trắc: US EPA Method 23)				





VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03114/2025/PKQ/25.1992

Tên khách hàng : CÔNG TY CP MÀU XANH VIỆT
Địa chỉ : Lô 16, Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN tại Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quê Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 250321.KT.024
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 21/03/2025 Ngày trả kết quả: 24/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				KT11
1	Đồng và hợp chất, tính theo Cu	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,01)
2	Axit clohydric, HCl	US EPA Method 26	mg/Nm ³	<0,6 (LOQ=0,6)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT11: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống thu hồi đồng sunfat.

Tọa độ: 21°9'25.88", 106°14'10.29" (X: 2340585.08, Y: 576531.95)

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Đặng Minh Dược

P. GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Huân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
- (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03115/2025/PKQ/25.1992

Tên khách hàng : CÔNG TY CP MÀU XANH VIỆT
Địa chỉ : Lô 16, Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN tại Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 250321.KT.025
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 21/03/2025 Ngày trả kết quả: 24/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				KT14
1	Thủy ngân và hợp chất, tính theo Hg	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,003)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT14: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống xử lý bóng đèn thải. Tọa độ: 21°9'25.99", 106°14'13.44" (X: 2340560.42, Y: 576497.21)

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

P. GIÁM ĐỐC



Dạng Minh Dược



Phạm Văn Huân

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01958/2025/PKQ/25.1135

Tên khách hàng : CÔNG TY CP MÀU XANH VIỆT
Địa chỉ : Lô 16, Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYỄN tại Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 250324.KT.024
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 24/03/2025 Ngày trả kết quả: 04/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				KT7-A
1	Antimon và hợp chất, tính theo Sb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,0005)
2	Asen và các hợp chất, tính theo As	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,0002)
3	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,006)
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)
5	Đồng và hợp chất, tính theo Cu	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,01)
6	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,005)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT7-A: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống thu hồi kim loại quý module số 01.

Tọa độ: 21°9'24.37" (X: 2340486.00), 106°14'10.77" (576273.60)

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2025



Đặng Minh Dược



Phạm Văn Huân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
- (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định





VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01959/2025/PKQ/25.1135

Tên khách hàng : CÔNG TY CP MÀU XANH VIỆT
Địa chỉ : Lô 16, Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN tại Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 250324.KT.025
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 24/03/2025 Ngày trả kết quả: 04/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				KT7-B
1	Antimon và hợp chất, tính theo Sb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,0005)
2	Asen và các hợp chất, tính theo As	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,0002)
3	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,006)
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)
5	Đồng và hợp chất, tính theo Cu	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,01)
6	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,005)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT7-B: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống thu hồi kim loại quý module số 02 .
Tọa độ: 21°9'24.60" (X: 2340492.92), 106°14'10.28" (576259.54)

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Đặng Minh Dược

P. GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Huân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
- (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định

1911

1912

1913



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Website: <https://dainamenm.com> Email: mtdainam@gmail.com
Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01961/2025/PKQ/25.1135

Tên khách hàng : CÔNG TY CP MÀU XANH VIỆT
Địa chỉ : Lô 16, Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN tại Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 250324.KT.027
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 24/03/2025 Ngày trả kết quả: 04/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				KT8
1	Antimon và hợp chất, tính theo Sb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,0005)
2	Asen và các hợp chất, tính theo As	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,0002)
3	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,006)
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)
5	Đồng và hợp chất, tính theo Cu	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,01)
6	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,005)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT8: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống thu hồi kim loại thiếc.

Tọa độ: 21°9'25.71" (X: 2340527.29), 106°14'10.74" (Y: 576272.57)

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Đặng Minh Dược

P. GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Huân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
- (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01960/2025/PKQ/25.1135

Tên khách hàng : CÔNG TY CP MÀU XANH VIỆT
Địa chỉ : Lô 16, Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN tại Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 250324.KT.026
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 24/03/2025 Ngày trả kết quả: 04/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				KT12
1	Antimon và hợp chất, tính theo Sb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,0005)
2	Asen và các hợp chất, tính theo As	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,0002)
3	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,006)
4	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)
5	Đồng và hợp chất, tính theo Cu	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,01)
6	Kẽm và hợp chất, tính theo Zn	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,005)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT12: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống thu hồi kim loại bằng phương pháp nhiệt luyện. Tọa độ: 21°9'26.06" (X: 2340538.78), 106°14'16.29" (Y: 576432.57)

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Đặng Minh Dược

P. GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Huân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
- (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01962/2025/PKQ/25.1135

Tên khách hàng : CÔNG TY CP MÀU XANH VIỆT
Địa chỉ : Lô 16, Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN tại Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 250324.KT.028
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 24/03/2025 Ngày trả kết quả: 04/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				KT16
1	Benzene	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	0,61
2	Xylen	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	0,88
3	Etylenoxyt	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=1,5)
4	Propylenoxyt	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=1,5)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;

- Vị trí lấy mẫu:

+ KT16: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống tái chế nhựa.

Tọa độ: 21°9'24.50" (X: 2340490.28), 106°14'12.10" (Y: 576311.90)

Hà Nội, ngày 04 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Đặng Minh Dược

P. GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Huân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
- (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02667/2025/PKQ/25.1495

Tên khách hàng : CÔNG TY CP MÀU XANH VIỆT
Địa chỉ : Lô 16, Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu : Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu : Khí thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 250402.KT.047
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 02/04/2025 Ngày trả kết quả: 15/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				250401/KT/001
1	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;
- Vị trí lấy mẫu (Thông tin vị trí lấy mẫu do khách hàng cung cấp):
- + 250401/KT/001: Mẫu 1.

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

P. GIÁM ĐỐC



Đặng Minh Dược



Phạm Văn Huân

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 02669/2025/PKQ/25.1495

Tên khách hàng : CÔNG TY CP MÀU XANH VIỆT
Địa chỉ : Lô 16, Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu : Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu : Khí thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 250402.KT.049
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 02/04/2025 Ngày trả kết quả: 15/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				250401/KT/003
1	Asen và các hợp chất, tính theo As	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,0002)
2	Cadmi và hợp chất, tính theo Cd	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,006)
3	Chì và hợp chất, tính theo Pb	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)
4	Đồng và hợp chất, tính theo Cu	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,01)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;
- Vị trí lấy mẫu (Thông tin vị trí lấy mẫu do khách hàng cung cấp):
+ 250401/KT/003: Mẫu 3.

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH



Đặng Minh Dược

PGIÁM ĐỐC



Phạm Văn Huân

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03078/2025/PKQ/25.1784

Tên khách hàng : CÔNG TY CP MÀU XANH VIỆT
Địa chỉ : Lô 16, Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN tại Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Nước thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 250320.NT.009
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 20/03/2025 Ngày trả kết quả: 22/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				NT
1	Asen (As)	US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,006)
2	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0003)
3	Chì (Pb)	US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,0065)
4	Cadimi (Cd)	US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,0015)
5	Crom III (Cr ³⁺)	SMEWW 3500-Cr.B:2023 +SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,055)
6	Đồng (Cu)	US EPA Method 200.7	mg/L	<0,015 (LOQ=0,015)
7	Kẽm (Zn)	US EPA Method 200.7	mg/L	<0,03 (LOQ=0,03)
8	Niken (Ni)	US EPA Method 200.7	mg/L	0,012
9	Mangan (Mn)	US EPA Method 200.7	mg/L	0,04
10	HCBVTV clo hữu cơ	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	mg/L	KPH (MDL=0,00001)
11	HCBVTV photpho hữu cơ	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	mg/L	KPH (MDL=0,00002)
12	Các hợp chất polyclobiphenyl (PCBs)	US EPA Method 3510C + US EPA Method 3620C + US EPA Method 8270D	mg/L	KPH (MDL=0,000015)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT: Tại điểm xả nước thải ra kênh tiêu trạm bơm An Trạch.

Tọa độ: 21°9,22.49", 106°14'8.58" (X 2340623.37, Y 576576.12)

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

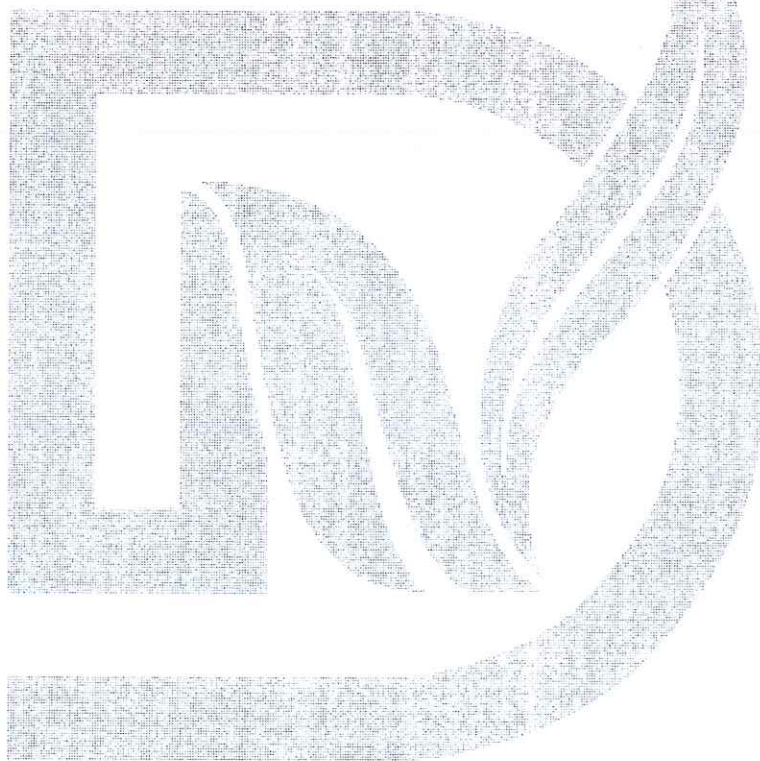
P. GIÁM ĐỐC



Đặng Minh Dược



Phạm Văn Huân



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Website: <https://dainamenm.com> Email: mtdainam@gmail.com
Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03079/2025/PKQ/25.1784

Tên khách hàng : CÔNG TY CP MÀU XANH VIỆT
Địa chỉ : Lô 16, Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN tại Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Chất thải rắn Số mẫu: 1
Mã mẫu : 250320.CTR.001
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 20/03/2025 Ngày trả kết quả: 22/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				CTR1
1	Asen (As)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	mg/Kg	KPH (MDL=2)
2	Asen (As)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,03)
3	Cadmi (Cd)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	mg/Kg	KPH (MDL=0,3)
4	Cadmi (Cd)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,03)
5	Chì (Pb)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	mg/Kg	252
6	Chì (Pb)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	mg/L	0,22
7	Kẽm (Zn)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	mg/Kg	16,71
8	Kẽm (Zn)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,06)
9	Niken (Ni)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	mg/Kg	3,9
10	Niken (Ni)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,05)
11	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	mg/Kg	KPH (MDL=0,05)
12	Thủy ngân (Hg)	TCVN 9239:2012 + SMEWW 3112B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,001)
13	Crom VI (Cr ⁶⁺)	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	mg/kg	21,7
14	Crom VI (Cr ⁶⁺)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7196A	mg/L	0,55

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
- (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;

- Vị trí lấy mẫu:

+ CTR1: Tro xỉ sau đốt của các lò đốt chất thải công nghiệp.

Tọa độ: 21°9'25.85", 106°14'11.87" (X 2340585.90, Y 576430.10)

+ Hệ số T = 0,91. Trong đó T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu chất thải rắn trên tổng khối lượng mẫu chất thải rắn

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

P. GIÁM ĐỐC



Đặng Minh Dược



Phạm Văn Huân

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03080/2025/PKQ/25.1784

Tên khách hàng : CÔNG TY CP MÀU XANH VIỆT
Địa chỉ : Lô 16, Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN tại Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Chất thải rắn Số mẫu: 1
Mã mẫu : 250320.CTR.002
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 20/03/2025 Ngày trả kết quả: 22/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				CTR2
1	Asen (As)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	mg/Kg	KPH (MDL=2)
2	Asen (As)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	mg/L	<0,09 (LOQ=0,09)
3	Cadmi (Cd)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	mg/Kg	KPH (MDL=0,3)
4	Cadmi (Cd)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,03)
5	Chì (Pb)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	mg/Kg	13,27
6	Chì (Pb)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,03)
7	Kẽm (Zn)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	mg/Kg	40,76
8	Kẽm (Zn)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	mg/L	0,3
9	Niken (Ni)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	mg/Kg	11,94
10	Niken (Ni)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	mg/L	0,57
11	Thủy ngân (Hg)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 7000B	mg/Kg	KPH (MDL=0,05)
12	Thủy ngân (Hg)	TCVN 9239:2012 + SMEWW 3112B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,001)
13	Crom VI (Cr ⁶⁺)	US EPA Method 3060A + US EPA Method 7196A	mg/kg	KPH (MDL=1,4)
14	Crom VI (Cr ⁶⁺)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 7196A	mg/L	KPH (MDL=0,006)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện; LOQ: Giới hạn định lượng;

- Vị trí lấy mẫu:

+ CTR2: Sản phẩm của hệ thống hóa rắn.

Tọa độ: 21°9'26.50", 106°14'11.81" (X 2340579.02, Y 576372.45)

+ Hệ số T = 0,91 Trong đó T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu chất thải rắn trên tổng khối lượng mẫu chất thải rắn

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

P. GIÁM ĐỐC



Đặng Minh Dược



Phạm Văn Huân

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

VIMCERTS 316

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 02111/2025/PKQ(25.1166)

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ Phần Màu Xanh Việt
2. Địa chỉ : Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
3. Địa điểm lấy mẫu : Công ty Cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên - Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
4. Ngày lấy mẫu : 21/03/2025
5. Ngày trả kết quả : 25/04/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	MTLD250325-035	KLĐ3	Khu vực xưởng 09 (2340512,16; 576326,86)	Không khí môi trường lao động
2	MTLD250325-036	KLĐ5	Khu vực xưởng 11 (2340558,64; 576466,54)	Không khí môi trường lao động
3	MTLD250325-037	KLĐ6	Khu vực xưởng 12 (2340571,44; 576503,97)	Không khí môi trường lao động
4	MTLD250325-038	KLĐ7	Khu vực xưởng 13 (2340572,17; 576543,23)	Không khí môi trường lao động
5	MTLD250325-039	KLĐ11	Khu vực lưu giữ chất thải công nghiệp (2340501,32; 576186,07)	Không khí môi trường lao động

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ			
				KLĐ3	KLĐ5	KLĐ6	KLĐ7
1	Nhiệt độ ^(c)	°C	TCVN 5508:2009	27,3	26,5	25,6	26
2	Bụi toàn phần - (mẫu thời điểm) ^(c)	mg/m ³	Thường quy kỹ thuật Viện Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường năm 2015	0,314	0,42	0,347	0,261
3	SO ₂ ^(c)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	-	0,054	0,052	0,054
4	NO ₂ ^(c)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	-	0,048	0,043	0,046
5	HCl ^(c)	mg/m ³	NIOSH Method 7907	-	KPH	-	KPH
6	H ₂ SO ₄ ^(c)	mg/m ³	NIOSH 7908	-	-	-	KPH
7	Axeton ^(c)	mg/m ³	NIOSH 1300	-	KPH	KPH	KPH
8	CO ^(c)	mg/m ³	TPP.SPT.KXQ.01	-	KPH	-	-
9	Toluen ^(c)	mg/m ³	NIOSH Method 1501	-	KPH	KPH	KPH
10	Tiếng ồn dải tần (1000) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	58,4	69,8	71,8	70,3
11	Tiếng ồn dải tần (125) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	63,3	70,3	81,1	77,1
12	Tiếng ồn dải tần (2000) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	63,3	67,9	70,1	69,5
13	Tiếng ồn dải tần (250) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	62,8	71,8	78,3	72,6
14	Tiếng ồn dải tần (4000) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	65,1	54,6	69,2	68,4
15	Tiếng ồn dải tần (8000) tại vị trí làm việc, lao động, sản	dBA	TCVN 9799:2013	56,5	42,2	65,8	64,1

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



	xuất trực tiếp ^(c)						
16	Tiếng ồn dải tần (500) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	60,2	70,7	75,8	70
17	Tiếng ồn dải tần (63) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	68,2	71,1	78,7	72
18	Gia tốc rung ^(c)	m/s ²	TCVN 5127:1990	0,0007	0,0024	0,0036	0,0043
19	Thủy ngân (Hg) ^(c)	mg/m ³	NIOSH Method 6009	-	-	KPH	-

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ
				KLĐ11
1	Nhiệt độ ^(c)	°C	TCVN 5508:2009	27,3
2	Bụi toàn phần - (mẫu thời điểm) ^(c)	mg/m ³	Thường quy kỹ thuật Viện Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường năm 2015	0,152
3	Tiếng ồn dải tần (1000) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	57,0
4	Tiếng ồn dải tần (125) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	62,4
5	Tiếng ồn dải tần (2000) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	55,7
6	Tiếng ồn dải tần (250) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	60,9
7	Tiếng ồn dải tần (4000) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	50,5
8	Tiếng ồn dải tần (8000) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	40,1
9	Tiếng ồn dải tần (500) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	59,8
10	Tiếng ồn dải tần (63) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	64,9
11	Gia tốc rung ^(c)	m/s ²	TCVN 5127:1990	0,0005

Chú thích:

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



(c)- Thông số không thuộc phạm vi quy định trong văn bản quy phạm pháp luật về môi trường của Bộ TNMT và được thực hiện theo Giấy phép đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 195/SYT-NVY ngày 17 tháng 01 năm 2023;

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Trần Thị Luyên

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 02113/2025/PKQ(25.1184)

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ Phần Màu Xanh Việt
2. Địa chỉ : Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
3. Địa điểm lấy mẫu : Công ty Cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên - Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
4. Ngày lấy mẫu : 22/03/2025
5. Ngày trả kết quả : 25/04/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	MTLD250325-005	KLĐ8	Khu vực hệ thống xử lý nước thải số 01 (2340602,23; 576531,25)	Không khí môi trường lao động
2	MTLD250325-006	KLĐ9	Khu vực hệ thống hóa rắn (2340589,02; 576403,77)	Không khí môi trường lao động
3	MTLD250325-007	KLĐ10	Khu vực hệ thống xử lý nước thải số 02 (2340560,83; 576342,73)	Không khí môi trường lao động
4	MTLD250325-008	KLĐ14	Khu vực lưu giữ tro xỉ sau đốt (2340589; 576425)	Không khí môi trường lao động

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ			
				KLĐ8	KLĐ9	KLĐ10	KLĐ14
1	Nhiệt độ ^(c)	°C	TCVN 5508:2009	25,2	25,6	25,8	25,9
2	Bụi toàn phần - (mẫu thời điểm) ^(c)	mg/m ³	Thường quy kỹ thuật Viện Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường năm 2015	0,198	0,503	0,268	0,546
3	Tiếng ồn dải tần (1000) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	65,7	65,9	65,1	69,1
4	Tiếng ồn dải tần (125) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	72,3	69,8	74,9	74,4
5	Tiếng ồn dải tần (2000) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	61,9	63,4	62,3	68,4
6	Tiếng ồn dải tần (250) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	75,3	68,9	69,4	72,4
7	Tiếng ồn dải tần (4000) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	61,4	57,4	57,2	61,8
8	Tiếng ồn dải tần (8000) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	53,2	49,4	52	54,2
9	Tiếng ồn dải tần (500) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	73	68,3	70,4	72
10	Tiếng ồn dải tần (63) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	66,8	69,7	82,9	75,8
11	Gia tốc rung ^(c)	m/s ²	TCVN 5127:1990	0,0015	0,0017	0,0022	0,0042

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định.
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	
				KLĐ8	KLĐ10
1	NH ₃ ^(c)	mg/m ³	MASA 401	KPH	KPH
2	H ₂ S ^(c)	mg/m ³	MASA Method 701	KPH	KPH

Chú thích:

(c)- Thông số không thuộc phạm vi quy định trong văn bản quy phạm pháp luật về môi trường của Bộ TNMT và được thực hiện theo Giấy phép đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 195/SYT-NVY ngày 17 tháng 01 năm 2023;

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Trần Thị Luyến

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân



- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





THỊNH TRƯỜNG PHÁT
Hết sức nghiêm túc - Đối thành công

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lỗ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 02112/2025/PKQ(25.1203)

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ Phần Màu Xanh Việt
2. Địa chỉ : Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
3. Địa điểm lấy mẫu : Công ty Cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên - Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quê Võ, tỉnh Bắc Ninh
4. Ngày lấy mẫu : 24/03/2025
5. Ngày trả kết quả : 25/04/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	MTLD250325-059	KLĐ1	Khu vực xưởng 07 (2340486,23; 576250,54)	Không khí môi trường lao động
2	MTLD250325-060	KLĐ2	Khu vực xưởng 08 (2340501,49; 576295,44)	Không khí môi trường lao động
3	MTLD250325-061	KLĐ4	Khu vực xưởng 10 (2340543,6; 576421,64)	Không khí môi trường lao động
4	MTLD250325-062	KLĐ12	Khu vực văn phòng (2340454,87; 576174,24)	Không khí môi trường lao động
5	MTLD250325-063	KLĐ13	Khu vực bể đóng kén (2340537,03; 576389,89)	Không khí môi trường lao động

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ			
				KLĐ1	KLĐ2	KLĐ4	KLĐ12
1	Nhiệt độ ^(c)	°C	TCVN 5508:2009	26,6	26,3	26,8	24,7
2	C _x H _y ^(c)	mg/m ³	NIOSH method 1500	-	KPH	-	-
3	Bụi toàn phần - (mẫu thời điểm) ^(c)	mg/m ³	Thường quy kỹ thuật Viện Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường năm 2015	0,412	0,38	0,367	0,112
4	SO ₂ ^(c)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,053	0,049	0,062	0,054
5	NO ₂ ^(c)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,043	0,048	0,047	0,041
6	HCl ^(c)	mg/m ³	NIOSH Method 7907	-	KPH	-	-
7	H ₂ S ^(c)	mg/m ³	MASA Method 701	-	KPH	-	-
8	Axeton ^(c)	mg/m ³	NIOSH 1300 : 1994	-	KPH	-	-
9	CO ^(c)	mg/m ³	TPP.SPT.KXQ.01	-	-	KPH	-
10	Toluen ^(c)	mg/m ³	NIOSH Method 1501	-	KPH	-	-
11	Tiếng ồn dải tần (1000) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	62,5	68,2	67,4	40,2
12	Tiếng ồn dải tần (125) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	71,5	74	69,1	51,6
13	Tiếng ồn dải tần (2000) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	60,2	66,4	63,2	39,5
14	Tiếng ồn dải tần (250) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	69,2	72,7	70,2	48,8
15	Tiếng ồn dải tần (4000) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	59,7	59,9	56,3	37,6

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- (-): Không phân tích/Không quy định
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



16	Tiếng ồn dải tần (8000) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	52,2	54,7	51,8	36,1
17	Tiếng ồn dải tần (500) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	68,8	71,1	69,3	41,3
18	Tiếng ồn dải tần (63) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	71,2	75,1	67,8	50,7
19	Gia tốc rung ^(c)	m/s ²	TCVN 5127:1990	0,0015	0,0011	0,002	0

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ
				KLĐ13
1	Nhiệt độ ^(c)	°C	TCVN 5508:2009	26,5
2	Bụi toàn phần - (mẫu thời điểm) ^(c)	mg/m ³	Thường quy kỹ thuật Viện Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường năm 2015	0,465
3	Tiếng ồn dải tần (1000) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	70,2
4	Tiếng ồn dải tần (125) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	80,2
5	Tiếng ồn dải tần (2000) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	68,7
6	Tiếng ồn dải tần (250) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	76,6
7	Tiếng ồn dải tần (4000) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	66,4
8	Tiếng ồn dải tần (8000) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	62
9	Tiếng ồn dải tần (500) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	73,4
10	Tiếng ồn dải tần (63) tại vị trí làm việc, lao động, sản xuất trực tiếp ^(c)	dBA	TCVN 9799:2013	77,2
11	Gia tốc rung ^(c)	m/s ²	TCVN 5127:1990	0,0027

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
- KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định.
- (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



Chú thích:

(c)- Thông số không thuộc phạm vi quy định trong văn bản quy phạm pháp luật về môi trường của Bộ TNMT và được thực hiện theo Giấy phép đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 195/SYT-NVY ngày 17 tháng 01 năm 2023;

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Trần Thị Luyen

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (H) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





THỊ TRƯỜNG PHÁT
Kết nối - Phát triển - Thành công

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lỗ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 02114/2025/PKQ(25.1205)

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ Phần Màu Xanh Việt
2. Địa chỉ : Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
3. Địa điểm lấy mẫu : Công ty Cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên - Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
4. Ngày lấy mẫu : 22/03/2025
5. Ngày trả kết quả : 25/04/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	KT250325-034	KT3	Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống xử lý nước thải số 01 (2340589,39; 576531,93)	Khí thải
2	KT250325-035	KT4	Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống xử lý nước thải số 02 (2340563,36; 576362,97)	Khí thải
3	KT250325-036	KT5	Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống tái chế dầu thải số 01 (2340563,18; 576251,01)	Khí thải
4	KT250325-037	KT6	Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải của hệ thống tái chế dầu thải số 02 (2340556,35; 576520,76)	Khí thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	
				KT3	KT4
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K0099:2004	0,518	0,499

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	
				KT5	KT6
1	H ₂ S ^(b)	mg/Nm ³	JIS K0108:2010	1,80	1,78
2	CxHy(n-Heptane, n-Hexane, n-octane) ^(b)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH	KPH

Chú thích:

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025

P. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Luyến



Hữu Thị Ngân

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

5. KPH: Không phát hiện.

6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

7. (-): Không phân tích/Không quy định

8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00329/2025/MXV-QTMT

1	Tên mẫu	Khí thải	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: MTHT-KT1
2	Tên khách hàng	Công ty Cổ phần Phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 20/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 14/04/2025		

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
				MTHT-KT1
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	US EPA Method 5	<1,1

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

MTHT-KT1: Mẫu trắng hiện trường

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Mến

QA/QC

Phạm Văn Huân



Bắc Ninh, ngày 14 tháng 04 năm 2025

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00330/2025/MXV-QTMT

1	Tên mẫu	Khí thải	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: QC2-KT11
2	Tên khách hàng	Công ty Cổ phần Phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN		
6	Ngày lấy mẫu: 21/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 14/04/2025		

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
				QC2-KT11
1	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA Method 8	<2,8

Ghi chú:**Vị trí lấy mẫu:**

QC2-KT11: Mẫu trắng hiện trường.

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 04 năm 2025

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

Nguyễn Thị Mến

QA/QC

Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 258

CÔNG TY CỔ PHẦN MÀU XANH VIỆT
Ban tư vấn dịch vụ & kỹ thuật, quan trắc môi trường
Địa chỉ: Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm,
Thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh
SĐT: 0222.655.7575 – Email: mauxanhvietbn99@gmail.com

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số: 00328/2025/MXV-QTMT

1	Tên mẫu	Nước thải	Số mẫu: 01	Ký hiệu mẫu: MLHT-NT
2	Tên khách hàng	Công ty Cổ phần Phát triển môi trường Bình Nguyên		
3	Địa điểm lấy mẫu	Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh		
4	Người lấy mẫu	Nguyễn Tuấn Anh, Lương Đình Đức		
5	Phương pháp lấy mẫu	Lấy trực tiếp theo TCVN.		
6	Ngày lấy mẫu: 20/03/2025	Ngày hoàn thành phân tích: 14/04/2025		

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
				MLHT-NT
1	CN-	mg/l	SMEWW 4500-CN C&E:2017	<0,02
2	Tổng Phenol	mg/l	TCVN 6216:1996	<0,03
3	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW 5520B&F:2017	1,0
4	Tổng N	mg/l	TCVN 6638:2000	16,8
5	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	13,7
6	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW9221:2017	280

Ghi chú:

Vị trí lấy mẫu:

MLHT-NT: Mẫu lập hiện trường - Mẫu nước thải tại điểm xả nước thải ra kênh tiêu trạm bơm An Trạch.

Bắc Ninh, ngày 14 tháng 04 năm 2025

TM. NHÓM PHÂN TÍCH

QA/QC

Nguyễn Thị Mến

Phạm Văn Huân



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC
Vũ Đăng Như

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi tới hoặc do Ban TVDV & KT QTMT trực tiếp lấy mẫu.
- Không được trích sao một phần kết quả nếu không được sự đồng ý Ban TVDV & KT QTMT.
- Các chỉ tiêu đăng ký phù hợp theo Vimcerts 258.



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
Website: <https://dainamenm.com> Email: mtdainam@gmail.com
Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03082/2025/PKQ/25.1784

Tên khách hàng : CÔNG TY CP MÀU XANH VIỆT
Địa chỉ : Lô 16, Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYỄN tại Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 250320.KT.010
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 20/03/2025 Ngày trả kết quả: 22/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				KT1-QC1
1	Axit clohydric, HCl	US EPA Method 26	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,2)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;

- Vị trí lấy mẫu:

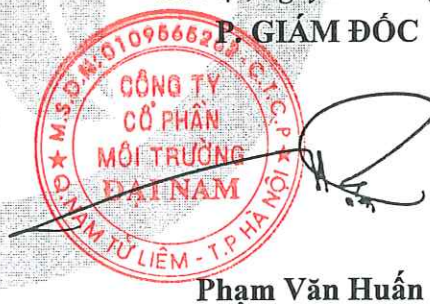
+ KT1-QC1: Khí thải phát sinh từ lò đốt chất thải công nghiệp số 01 (QC mẫu trắng).

Tọa độ: 21°9'24.95", 106°14'12.38" (X 2340596.17, Y 576464.60)

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

P. GIÁM ĐỐC



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
- (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03083.1/2025/PKQ/25.1784

Tên khách hàng : CÔNG TY CP MÀU XANH VIỆT
Địa chỉ : Lô 16, Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN tại Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Khí thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 250320.KT.009
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 20/03/2025 Ngày trả kết quả: 22/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				KT2-QC
1	Đồng và hợp chất, tính theo Cu	US EPA Method 29	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,01)
2	Tổng hydrocarbon THC ^(e)	US EPA method 0010	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,02)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;
 - (e): Tổng hydrocacbon trả theo các cấu tử được cấp theo GCN số 76/GCN-BTNMT ngày 23/12/2024;
 - Vị trí lấy mẫu:
- + KT2-QC: Khí thải phát sinh từ lò đốt chất thải công nghiệp số 02 (QC mẫu trắng).
Tọa độ: 21°9'24.26", 106°14'10.82" (X 2340585.19, Y 576438.17)

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

P. GIÁM ĐỐC



Đặng Minh Dược



Phạm Văn Huân

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
2. Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
3. (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com>

Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03078.1/2025/PKQ/25.1784

Tên khách hàng : CÔNG TY CP MÀU XANH VIỆT
Địa chỉ : Lô 16, Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYỄN tại Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Nước thải Số mẫu: 1
Mã mẫu : 250320.NT.010
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 20/03/2025 Ngày trả kết quả: 22/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				NT-QC
1	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,0003)
2	Crom III (Cr^{3+})	SMEWW 3500-Cr.B:2023 +SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (MDL=0,055)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT-QC: Tại điểm xả nước thải ra kênh tiêu trạm bơm An Trạch (QC mẫu lập).

Tọa độ: 21°9,22.49", 106°14'8.58" (X 2340623.37, Y 576576.12)

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

P. GIÁM ĐỐC



Đặng Minh Dược



Phạm Văn Huân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
- (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



VIMCERTS 288
ISO/IEC 17025:2017
CV 22574/SYT-NVY
CV 4607/SYT-NVY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐẠI NAM

Đ/c: Số 18, BT4-2, khu nhà ở Trung Văn, P.Trung Văn, Q.Nam Từ Liêm, TP Hà Nội

Website: <https://dainamenm.com> Email: mtdainam@gmail.com

Hotline: 024.22800777



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 03079.1/2025/PKQ/25.1784

Tên khách hàng : CÔNG TY CP MÀU XANH VIỆT
Địa chỉ : Lô 16, Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Địa điểm quan trắc : CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG BÌNH NGUYÊN tại Thôn Đồng Sài, Xã Phù Lãng, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Loại mẫu : Chất thải rắn Số mẫu: 1
Mã mẫu : 250320.CTR.003
Ngày quan trắc/ nhận mẫu : 20/03/2025 Ngày trả kết quả: 22/04/2025

TT	Tên thông số	Số hiệu phương pháp	Đơn vị	Kết quả
				CTR1-QC
1	Kẽm (Zn)	US EPA Method 3051A + US EPA Method 200.7	mg/Kg	17,23
2	Kẽm (Zn)	US EPA Method 1311 + US EPA Method 200.7	mg/L	KPH (MDL=0,06)

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện;

- Vị trí lấy mẫu:

+ CTR1-QC: Tro xỉ sau đốt của các lò đốt chất thải công nghiệp (QC mẫu lập).

Tọa độ: 21°9'25.85", 106°14'11.87" (X 2340585.90, Y 576430.10)

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2025

TM. PHÒNG PHÂN TÍCH

P. GIÁM ĐỐC



Đặng Minh Dược



Phạm Văn Huân

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến hoặc mẫu quan trắc, Công ty không chịu trách nhiệm việc lấy mẫu đối với các mẫu do khách hàng gửi đến.
- Quá thời gian lưu mẫu 07 ngày, Công ty không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại từ khách hàng.
- (-) Quy chuẩn về môi trường không quy định



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
Tel: 081.585.6611
Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

VIMCERTS 316

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH
Số phiếu: 02111/2025/PKQ(25.1166)

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ Phần Màu Xanh Việt
2. Địa chỉ : Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
3. Địa điểm lấy mẫu : Công ty Cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên - Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
4. Ngày lấy mẫu : 21/03/2025
5. Ngày trả kết quả : 25/04/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	MTLD250325-040	KLĐ 5-QC7	Mẫu lập hiện trường (2340558,64; 576466,54)	Không khí môi trường lao động
2	MTLD250325-041	KLĐ7-QC8	Mẫu lập hiện trường. (2340572,17; 576543,23)	Không khí môi trường lao động

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ	
				KLĐ 5-QC7	KLĐ7-QC8
1	Bụi toàn phần - (mẫu thời điểm) ^(c)	mg/m ³	Thường quy kỹ thuật Viện Sức khỏe Nghề nghiệp và Môi trường năm 2015	0,424	-
2	SO ₂ ^(c)	mg/m ³	TCVN 5971:1995	-	0,044
3	NO ₂ ^(c)	mg/m ³	TCVN 6137:2009	-	0,031
4	H ₂ SO ₄ ^(c)	mg/m ³	NIOSH 7908	-	KPH
5	CO ^(c)	mg/m ³	TPP.SPT.KXQ.01	KPH	-

Chú thích:

(c)- Thông số không thuộc phạm vi quy định trong văn bản quy phạm pháp luật về môi trường của Bộ TNMT và được thực hiện theo Giấy phép đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 195/SYT-NVY ngày 17 tháng 01 năm 2023;

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

[Signature]

Trần Thị Luyến

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 02114/2025/PKQ(25.1205)

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ Phần Màu Xanh Việt
2. Địa chỉ : Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
3. Địa điểm lấy mẫu : Công ty Cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên - Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
4. Ngày lấy mẫu : 22/03/2025
5. Ngày trả kết quả : 25/04/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	KT250325-038	KT3-QC2	Mẫu trắng hiện trường (2340589,39; 576531,93)	Khí thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ
				KT3-QC2
1	NH ₃ ^(b)	mg/Nm ³	JIS K0099:2004	KPH (MDL = 0,010)

Chú thích:

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Trần Thị Luyến

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025
P.GIÁM ĐỐC

Hữu Thị Ngân

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





THỊNH TRƯỜNG PHÁT
Kết sức mạnh - Tạo thành công

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Email: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 02113/2025/PKQ(25.1184)

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ Phần Màu Xanh Việt
2. Địa chỉ : Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
3. Địa điểm lấy mẫu : Công ty Cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên - Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
4. Ngày lấy mẫu : 22/03/2025
5. Ngày trả kết quả : 25/04/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	MTLD250325-009	KLĐ10 -QC9	Mẫu trắng hiện trường (2340501,49; 576295,44)	Không khí môi trường lao động

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ
				KLĐ10 -QC9
1	NH ₃ ^(c)	mg/m ³	MASA 401	KPH

Chú thích:

(c)- Thông số không thuộc phạm vi quy định trong văn bản quy phạm pháp luật về môi trường của Bộ TNMT và được thực hiện theo Giấy phép đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 195/SYT-NVY ngày 17 tháng 01 năm 2023;

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

[Signature]

Trần Thị Luyến

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/ Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;





THỊNH TRƯỜNG PHÁT
Khai sáng - Phát triển - Hòa bình

VIMCERTS 316

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lộ, P. Yên Nghĩa, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 02112/2025/PKQ(25.1203)

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ Phần Màu Xanh Việt
2. Địa chỉ : Lô 16 Cụm công nghiệp Khắc Niệm, Phường Khắc Niệm, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
3. Địa điểm lấy mẫu : Công ty Cổ phần phát triển môi trường Bình Nguyên - Thôn Đồng Sài, xã Phù Lãng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh
4. Ngày lấy mẫu : 24/03/2025
5. Ngày trả kết quả : 25/04/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu
1	MTLD250325-064	KLĐ2 -QC10	Mẫu trắng hiện trường (2340501,49; 576295,44)	Không khí môi trường lao động

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại.
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng.
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định.
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;



KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH	KẾT QUẢ
				KLĐ2 -QC10
1	H ₂ S ^(c)	mg/m ³	MASA Method 701	KPH
2	n-Hexan ^(c)	mg/m ³	NIOSH method 1500	KPH

Chú thích:

(c)- Thông số không thuộc phạm vi quy định trong văn bản quy phạm pháp luật về môi trường của Bộ TNMT và được thực hiện theo Giấy phép đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động số: 195/SYT-NVY ngày 17 tháng 01 năm 2023;

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Trần Thị Luyến

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2025

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty lấy về.
2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
5. KPH: Không phát hiện. 6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp 7. (-): Không phân tích/Không quy định
8. (#) Thông số chưa được công nhận và được phân tích theo yêu cầu khách hàng;

